

CỤC THỐNG KÊ TỈNH ĐỒNG NAI

**TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2021
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI
KẾT QUẢ SƠ BỘ**



NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ - 2022

Chỉ đạo biên soạn:

TRẦN QUỐC TUẤN
Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai

Tham gia biên soạn:

LÊ THỊ HOA HỒNG - Phó Cục trưởng
Đặng Thị Hiền - Trưởng phòng Phòng Thu thập Thông tin thống kê
Lê Thị Ninh - Phó Trưởng phòng Phòng Thu thập Thông tin thống kê
Lê Đỗ Hà Thanh - Phó Trưởng phòng Phòng Thu thập Thông tin thống kê
CỤC THỐNG KÊ TỈNH ĐỒNG NAI

LỜI NÓI ĐẦU

Thực hiện Quyết định số 307/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức Tổng điều tra kinh tế năm 2021. Đây là cuộc Tổng điều tra kinh tế lần thứ 6 (sau các kỳ Tổng điều tra năm 1995, 2002, 2007, 2012 và 2017), cũng là 1 trong 3 cuộc Tổng điều tra do Tổng cục Thống kê tiến hành trên phạm vi cả nước nói chung và tỉnh Đồng Nai nói riêng; dưới sự chỉ đạo của Tổng cục Thống kê và UBND tỉnh, Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai đã phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành và các cấp có liên quan để tham mưu Ban Chỉ đạo tỉnh tổ chức triển khai thành công Tổng điều tra kinh tế năm 2021 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Cuộc Tổng điều tra kinh tế năm 2021 nhằm mục đích:

Một là, đánh giá sự phát triển về số lượng, quy mô và lao động của các cơ sở kinh tế; kết quả sản xuất kinh doanh; mức độ ứng dụng công nghệ thông tin; cơ cấu, sự phân bố của các cơ sở và của lao động theo địa phương, theo ngành kinh tế và theo hình thức sở hữu, nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý của Đảng, Nhà nước, các Bộ, ngành và địa phương.

Hai là, tính toán chỉ tiêu thống kê chính thức của các chuyên ngành thống kê, chỉ tiêu Tổng sản phẩm trong nước (GDP), Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (GRDP) năm 2020 theo Đề án “Đổi mới quy trình biên soạn số liệu Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” và các chỉ tiêu thống kê khác thuộc hệ thống tài khoản quốc gia.

Ba là, cập nhật thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ chuyển đổi năm gốc so sánh phục vụ biên soạn các chỉ tiêu thống kê kinh tế - xã hội; làm dần mẫu tổng thể về cơ sở kinh tế cho các cuộc điều tra chọn mẫu trong giai đoạn tiếp theo của ngành Thống kê, các Bộ, ngành và địa phương.

Cuộc Tổng điều tra thu thập thông tin của các cơ sở đang hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc mọi lĩnh vực kinh tế; đơn vị sự nghiệp, hiệp hội, các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam; cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng phục vụ đánh giá toàn diện thực trạng và xu hướng phát triển kinh tế - xã hội, làm cơ sở đánh giá tình hình, xây dựng kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước. Điều tra các thông tin về lao động và thu nhập của người lao động; về kết quả và chi phí sản xuất kinh doanh; tình hình ứng dụng công nghệ thông tin; tiếp cận tài chính; hội nhập kinh tế quốc tế và thông tin chuyên đề.

Khác với các kỳ Tổng điều tra kinh tế trước đây, trong Tổng điều tra kỳ này, đơn vị điều tra là cơ quan hành chính do Sở Nội vụ chủ trì thực hiện. Trong báo cáo kết quả sơ bộ này chưa bao gồm thông tin của các cơ quan hành chính.

Từ tháng 3/2021 đến tháng 12/2021, cuộc Tổng điều tra kinh tế đã được triển khai tập trung, thống nhất từ Trung ương đến địa phương thông qua Ban Chỉ đạo Tổng điều tra các cấp. Đến nay, công tác xử lý, tổng hợp kết quả sơ bộ đã hoàn thành theo đúng tiến độ trong bối cảnh diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19.

*Nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin nhanh của các cấp lãnh đạo Đảng và chính quyền địa phương, các nhà nghiên cứu và người dùng tin, Ban Chỉ đạo Tổng điều tra tỉnh biên soạn và công bố ấn phẩm **"Tổng điều tra kinh tế năm 2021 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai - Kết quả sơ bộ"** với các chỉ tiêu thống kê chủ yếu phản ánh số lượng và lao động của các đơn vị điều tra, đồng thời đưa ra nhận định khái quát về những thay đổi do tác động của các chính sách kinh tế, xã hội của Đảng và Nhà nước trong 5 năm qua.*

Kết quả chính thức Tổng điều tra kinh tế năm 2021 sẽ được công bố trong quý III năm 2022 với hệ thống các chỉ tiêu thống kê chi tiết, đầy đủ, những chuyên đề phân tích chuyên sâu sẽ được phổ biến dưới nhiều hình thức, nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu thông tin thống kê cho công tác lãnh đạo, quản lý của Đảng, Nhà nước và các đối tượng sử dụng thông tin khác.

Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai, đơn vị Thường trực Ban Chỉ đạo Tổng điều tra tỉnh trân trọng cảm ơn các Sở, ngành, địa phương, các đơn vị điều tra đã tích cực phối hợp với Ban Chỉ đạo Tổng điều tra và cơ quan Thống kê trong quá trình triển khai thực hiện cuộc Tổng điều tra.

CỤC THỐNG KÊ TỈNH ĐỒNG NAI

MỤC LỤC

Lời nói đầu	3
Phần I. GIỚI THIỆU CHUNG	11
- Quyết định số 307/QĐ-TTg ngày 27/02/2020 của Thủ tướng chính phủ về tổ chức Tổng điều tra kinh tế năm 2021	13
- Quyết định số 1344/QĐ-BKHĐT ngày 03/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Phương án Tổng điều tra kinh tế năm 2021	17
- Phương án Tổng điều tra kinh tế năm 2021	19
- Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 01/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về tổ chức Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính năm 2021	47
- Quyết định số 3329/QĐ-UBND ngày 14/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về thành lập Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2021	52
- Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 08/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về kiện toàn nhân sự Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2021	55
Phần II. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2021	57
1. Công tác chỉ đạo trong chuẩn bị và thực hiện Tổng điều tra	61
2. Công tác tuyên truyền cho cuộc Tổng điều tra	61
3. Lực lượng tham gia Tổng điều tra và công tác tập huấn	62
4. Công tác thu thập thông tin và giám sát	64

5. Công tác kiểm tra, làm sạch và nghiệm thu dữ liệu điều tra	66
6. Hoàn thành ấn phẩm và kế hoạch công bố kết quả Tổng điều tra kinh tế năm 2021	68
Phần III. KẾT QUẢ SƠ BỘ TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2021	69
I. TỔNG QUAN CHUNG	71
1. Khái quát về số lượng và lao động của các đơn vị điều tra	71
2. Quy mô lao động bình quân một đơn vị điều tra	74
3. Mức độ tập trung đơn vị điều tra theo địa phương và khu vực kinh tế	76
II. DOANH NGHIỆP VÀ HỢP TÁC XÃ	77
1. Doanh nghiệp	77
2. Hợp tác xã	83
III. CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH CÁ THỂ PHI NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN	84
IV. ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP, HIỆP HỘI	90
V. CƠ SỞ TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG	94
Phần IV. CÁC BIỂU SỐ LIỆU	99
1. Số đơn vị, lao động và cơ cấu của các đơn vị điều tra	101
2. Số đơn vị điều tra phân theo khu vực kinh tế và theo địa phương	102
3. Số lao động trong các đơn vị điều tra phân theo khu vực kinh tế và theo địa phương	104
4. Số doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh và số lao động có đến thời điểm 31/12/2020 phân theo thành phần kinh tế và theo khu vực kinh tế	106

5. Số doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh và số lao động có đến thời điểm 31/12/2020 phân theo địa phương	107
6. Số hợp tác xã đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh và số lao động có đến thời điểm 31/12/2020 phân theo khu vực kinh tế	108
7. Số hợp tác xã đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh và số lao động có đến thời điểm 31/12/2020 phân theo địa phương	109
8. Số cơ sở sản xuất, kinh doanh cá thể phi nông, lâm nghiệp, thủy sản phân theo địa phương tại thời điểm 01/7/2021	110
9. Số lao động của các cơ sở sản xuất, kinh doanh cá thể phi nông, lâm nghiệp, thủy sản phân theo địa phương tại thời điểm 01/7/2021	111
10. Số đơn vị sự nghiệp, hiệp hội, tổ chức phi chính phủ tại thời điểm 31/12/2020 phân theo loại hình tổ chức và địa phương	112
11. Số lao động của các đơn vị sự nghiệp, hiệp hội, tổ chức phi chính phủ tại thời điểm 31/12/2020 phân theo loại hình tổ chức và địa phương	113
12. Số cơ sở và lao động của các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng phân theo loại cơ sở và theo địa phương tại thời điểm 01/7/2021	114
13. Số cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng phân theo loại xếp hạng, loại cơ sở và địa phương tại thời điểm 01/7/2021	115

Phần I
GIỚI THIỆU CHUNG

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 307/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về tổ chức Tổng điều tra kinh tế năm 2021

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình Điều tra thống kê quốc gia;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tiến hành Tổng điều tra kinh tế năm 2021 (viết tắt là Tổng điều tra) trên phạm vi cả nước nhằm thu thập thông tin cơ bản về các đơn vị sản xuất, kinh doanh, hoạt động sự nghiệp, Đảng, đoàn thể, hiệp hội, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng nhằm phục vụ việc đánh giá toàn diện thực trạng và xu hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, làm cơ sở đánh giá tình hình, xây dựng kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước.

Điều 2. Nội dung Tổng điều tra

1. Thông tin nhận dạng đơn vị điều tra: thông tin định danh của cơ sở; ngành hoạt động sản xuất, kinh doanh; các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh của doanh nghiệp nước ngoài

tại Việt Nam, Đảng, đoàn thể, hiệp hội, đơn vị sự nghiệp, cơ sở trực thuộc của các tổ chức trên; cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng; các tổ chức phi chính phủ nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Thông tin về lao động và thu nhập của người lao động: thông tin về người đứng đầu; lao động của cơ sở; thu nhập của người lao động.

3. Thông tin về kết quả, chi phí sản xuất kinh doanh: tài sản, nguồn vốn; kết quả hoạt động, chi phí sản xuất kinh doanh; thuế và các khoản nộp ngân sách; vốn đầu tư; nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R&D), đổi mới sáng tạo; các chỉ tiêu thống kê chuyên ngành trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia phân tổ theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam và Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam; tiêu dùng năng lượng.

4. Thông tin về tình hình ứng dụng công nghệ thông tin: sử dụng phần mềm quản lý, tự động hóa cho sản xuất kinh doanh; sử dụng hình thức thương mại điện tử qua hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ trực tuyến; năng lực tiếp cận cách mạng Công nghiệp lần thứ 4.

5. Thông tin về tình hình tiếp cận tài chính, hội nhập kinh tế quốc tế và thông tin chuyên đề về đơn vị điều tra.

Điều 3. Tổng điều tra thực hiện theo hai giai đoạn

1. Giai đoạn 1: Thu thập thông tin về các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc khối doanh nghiệp; các chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp nước ngoài; Đảng, đoàn thể, hiệp hội, đơn vị sự nghiệp; tổ chức phi chính phủ nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động tại Việt Nam; cơ sở trực thuộc của các tổ chức trên. Thời gian thu thập thông tin từ ngày 01 tháng 3 đến ngày 30 tháng 5 năm 2021.

2. Giai đoạn 2: Thu thập thông tin về các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng. Thời gian thu thập thông tin từ ngày 01 tháng 7 đến ngày 30 tháng 7 năm 2021.

Kết quả sơ bộ Tổng điều tra công bố vào tháng 12 năm 2021. Kết quả chính thức công bố vào quý II năm 2022.

Điều 4. Trách nhiệm của các Bộ, ngành và địa phương

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)

a) Chủ trì xây dựng phương án Tổng điều tra; tổ chức điều tra thí điểm để hoàn thiện phương án Tổng điều tra. Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quyết định việc ban hành Phương án Tổng điều tra kinh tế năm 2021. Phương án Tổng điều tra được xây dựng trên nguyên tắc khai thác tối đa số liệu về doanh nghiệp của Tổng cục Thuế, Bảo hiểm xã hội và các số liệu thực tế hiện có của các cơ quan đã xây dựng hệ thống tích hợp dữ liệu trên cơ sở công nghệ thông tin; sử dụng tối đa công nghệ thông tin trong thu thập và xử lý thông tin Tổng điều tra.

b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan, các địa phương tổ chức, chỉ đạo thực hiện cuộc Tổng điều tra theo đúng phương án, kế hoạch và nội dung Tổng điều tra; tổng hợp, công bố kết quả Tổng điều tra.

c) Xây dựng dự toán kinh phí Tổng điều tra và tổng hợp trong dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) gửi Bộ Tài chính tổng hợp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tổ chức điều tra theo ngành dọc trên cơ sở phương án Tổng điều tra, hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Tổng điều tra Trung ương và gửi kết quả về Ban Chỉ đạo Tổng điều tra Trung ương để tổng hợp chung kết quả của toàn quốc.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông, các cơ quan thông tin ở Trung ương và địa phương phối hợp với Ban Chỉ đạo Tổng điều tra Trung ương và Ban Chỉ đạo Tổng điều tra các cấp trong việc tuyên truyền, hỗ trợ công nghệ thông tin, đảm bảo đường truyền thông suốt và bảo mật dữ liệu trong Tổng điều tra.

4. Các Bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, thực hiện Tổng điều tra thống nhất theo yêu cầu và hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Tổng điều tra Trung ương.

Điều 5. Thành lập Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế năm 2021

1. Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban Chỉ đạo Tổng điều tra Trung ương do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm Trưởng ban, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê làm Phó Trưởng ban; Lãnh đạo các Bộ, ngành: Quốc phòng; Công an; Công thương; Thông tin và Truyền thông; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giáo dục và Đào tạo; Tài chính; Y tế; Nội vụ; Lao động - Thương binh và Xã hội; Khoa học và Công nghệ; Văn phòng Chính phủ; Kho bạc Nhà nước; Tổng cục Thuế; Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam; Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê phụ trách lĩnh vực thống kê thương mại, dịch vụ và Vụ trưởng Vụ Thống kê Thương mại và Dịch vụ, Tổng cục Thống kê làm Ủy viên. Ban Chỉ đạo Tổng điều tra Trung ương sử dụng con dấu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) hướng dẫn thành lập Ban Chỉ đạo Tổng điều tra tại Bộ Quốc phòng và Bộ Công an, Ban Chỉ đạo Tổng điều tra các cấp ở địa phương.

Điều 6. Kinh phí thực hiện Tổng điều tra kinh tế năm 2021 do ngân sách Nhà nước đảm bảo và giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) thực hiện quản lý, sử dụng theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Phúc

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1344/QĐ-BKHĐT

Hà Nội, ngày 03 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Phương án Tổng điều tra kinh tế năm 2021

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 307/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức Tổng điều tra kinh tế năm 2021;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, Phó trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế Trung ương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án Tổng điều tra kinh tế năm 2021.

Điều 2. Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế Trung ương, Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế Bộ Quốc phòng, Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế Bộ Công an, các Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức thực hiện đúng phương án quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê và Trưởng ban các Ban Chỉ đạo có tên tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Thành viên BCĐ TƯ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Thống kê tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Thành viên Tổ thường trực BCĐTƯ;
- Lưu: VT, TCTK (15 bản).

BỘ TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Chí Dũng
TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO
TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ
TRUNG ƯƠNG

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN

Tổng điều tra kinh tế năm 2021

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1344/QĐ-TCTK
ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU ĐIỀU TRA

1. Mục đích

Tổng điều tra kinh tế năm 2021 thu thập thông tin về các cơ sở kinh tế, sự nghiệp nhằm đáp ứng các mục đích sau:

Một là, đánh giá sự phát triển về số lượng, quy mô và lao động của các cơ sở kinh tế; kết quả sản xuất kinh doanh (viết gọn là SXKD); mức độ ứng dụng công nghệ thông tin; cơ cấu, sự phân bố của các cơ sở và của lao động theo địa phương, theo ngành kinh tế và theo hình thức sở hữu nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý của Đảng, nhà nước, các Bộ, ngành và địa phương.

Hai là, tính toán chỉ tiêu thống kê chính thức của các chuyên ngành thống kê, chỉ tiêu Tổng sản phẩm trong nước (GDP), Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (GRDP) năm 2020 theo Đề án “Đổi mới quy trình biên soạn số liệu Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” và các chỉ tiêu thống kê khác thuộc Hệ thống tài khoản quốc gia.

Ba là, cập nhật thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ chuyên đổi năm gốc so sánh phục vụ biên soạn các chỉ tiêu thống kê kinh tế - xã hội; làm dàn mẫu tổng thể về cơ sở kinh tế cho các cuộc điều tra chọn mẫu trong giai đoạn tiếp theo của ngành Thống kê, các Bộ, ngành và địa phương.

2. Yêu cầu

(1) Công tác tổ chức, thu thập thông tin, xử lý số liệu, tổng hợp, công bố, lưu trữ dữ liệu và bảo mật thông tin cuộc Tổng điều tra phải thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy định của Phương án điều tra.

(2) Thu thập, tổng hợp và công bố các số liệu có độ tin cậy cao, đầy đủ các nội dung điều tra theo Quyết định số 307/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ, đảm bảo tính kế thừa và so sánh với các kỳ Tổng điều tra trước, đáp ứng yêu cầu so sánh quốc tế.

(3) Đảm bảo tính khả thi về nội dung điều tra, đáp ứng yêu cầu tổng hợp chỉ tiêu thống kê quốc gia theo Luật Thống kê năm 2015, chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã, số liệu chính thức theo đơn vị ngành kinh tế theo địa bàn.

(4) Đảm bảo thông tin điều tra đầy đủ, kịp thời, không trùng lặp, bỏ sót, phù hợp với điều kiện thực tế và có tính khả thi theo hướng ứng dụng triệt để công nghệ thông tin trong tất cả các công đoạn của Tổng điều tra.

(5) Việc quản lý và sử dụng kinh phí của cuộc Tổng điều tra bảo đảm đúng chế độ hiện hành, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả.

II. ĐỐI TƯỢNG, ĐƠN VỊ, PHẠM VI ĐIỀU TRA

1. Đối tượng điều tra

a) Đối tượng điều tra là tổ chức, cá nhân chứa đựng thông tin cần thu thập. Trong cuộc Tổng điều tra này, đối tượng điều tra được xác định là *đơn vị cơ sở* hay còn được gọi là *đơn vị ngành kinh tế theo địa bàn*. Đơn vị cơ sở là đơn vị kinh tế thỏa mãn các điều kiện sau đây:

(1) Có địa điểm xác định trên lãnh thổ Việt Nam để trực tiếp thực hiện hoặc quản lý, điều hành các hoạt động thuộc các ngành kinh tế;

(2) Có chủ thể sở hữu và người đứng đầu chịu trách nhiệm quản lý, điều hành hoạt động, có lao động chuyên nghiệp;

(3) Có thời gian hoạt động liên tục hoặc định kỳ theo mùa vụ hoặc theo tập quán kinh doanh;

(4) Mỗi đơn vị cơ sở chỉ đóng tại 1 địa bàn xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là xã) và chỉ tiến hành 1 loại hoạt động kinh tế thuộc ngành cấp 3.

Một đơn vị cơ sở đóng trên cùng một địa điểm nhưng thuộc địa bàn quản lý của từ 2 xã trở lên, quy ước theo diện tích lớn nhất của đơn vị cơ sở thuộc địa bàn xã nào thì đơn vị cơ sở được tính vào xã đó. Trường hợp, chưa xác định được theo diện tích, tiếp tục căn cứ vào địa điểm thực hiện công tác quản lý (hợp, phổ biến nghiệp vụ,...) để sắp xếp đơn vị cơ sở vào địa bàn xã phù hợp.

Căn cứ vào giá trị sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm chính do đơn vị cơ sở tạo ra để xác định ngành kinh tế của đơn vị cơ sở.

b) Đối tượng điều tra bao gồm các loại cơ sở sau:

(1) Cơ sở SXKD của doanh nghiệp/hợp tác xã là đơn vị cơ sở chỉ thực hiện một loại hoạt động SXKD trong phạm vi 1 ngành kinh tế cấp 3 và chỉ đóng trên địa bàn 1 xã. Trong doanh nghiệp, cơ sở SXKD thường là địa điểm SXKD;

(2) Cơ sở SXKD cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản (viết gọn là cơ sở SXKD cá thể) là đơn vị cơ sở của hộ gia đình, chỉ thực hiện 1 loại hoạt động SXKD không thuộc ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn của 1 xã;

(3) Cơ sở SXKD thuộc cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp là các đơn vị có hoạt động SXKD trực thuộc các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp;

(4) Cơ sở sự nghiệp, hiệp hội là đơn vị cơ sở của đơn vị sự nghiệp, hiệp hội thực hiện một loại hoạt động trong phạm vi 1 ngành kinh tế cấp 3 trên địa bàn của 1 xã;

(5) Tổ chức phi chính phủ của nước ngoài tại Việt Nam là các tổ chức phi lợi nhuận, các quỹ xã hội, quỹ tư nhân, hoặc các hình thức tổ chức xã hội, phi lợi nhuận khác, được thành lập theo luật pháp nước ngoài, các hoạt động hỗ trợ phát triển, viện trợ nhân đạo, không vì mục đích lợi nhuận hoặc các mục đích khác tại Việt Nam;

(6) Cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng là đơn vị cơ sở của đơn vị tôn giáo, tín ngưỡng thực hiện hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng trong phạm vi địa bàn 1 xã.

c) Đối tượng điều tra không bao gồm:

- (1) Các cơ quan hành chính, Đảng, đoàn thể;
- (2) Cơ sở sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản của hộ;
- (3) Cơ sở hoạt động thuộc lĩnh vực ngoại giao (các đoàn ngoại giao, Đại sứ quán, Lãnh sự quán của nước ngoài).

2. Đơn vị điều tra

Đơn vị điều tra là tổ chức, cá nhân mà qua đó tiếp cận với đối tượng điều tra để thu thập thông tin. Đơn vị điều tra được phân loại theo số lượng cơ sở và theo hình thức hoạt động.

a) Phân loại đơn vị điều tra theo số lượng cơ sở

- *Đơn vị điều tra đơn cơ sở* là đơn vị điều tra chỉ có một đơn vị cơ sở đóng trên cùng địa bàn xã với văn phòng quản lý. Trong trường hợp này, văn phòng quản lý đóng trên cùng địa bàn xã để phục vụ trực tiếp cho đơn vị cơ sở tạo ra sản phẩm đầu ra của đơn vị điều tra. Do đó, văn phòng quản lý không được xem xét như một đơn vị cơ sở riêng biệt và xem như đơn vị điều tra chỉ có một đơn vị cơ sở duy nhất. Đơn vị điều tra đơn cơ sở được xếp vào ngành hoạt động của đơn vị cơ sở duy nhất của nó.

- *Đơn vị điều tra đa cơ sở* là đơn vị điều tra có từ hai đơn vị cơ sở đóng trên cùng địa bàn xã với văn phòng quản lý hoặc có ít nhất một đơn vị cơ sở đóng tại địa bàn xã khác với văn phòng quản lý. Ở đây, văn phòng quản lý được xác định là một đơn vị cơ sở và xếp vào ngành hoạt động của trụ sở văn phòng (trừ văn phòng quản lý của đơn vị hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và bảo hiểm được xếp vào cùng ngành tài chính, ngân hàng và bảo hiểm). Các đơn vị cơ sở khác được xếp vào ngành hoạt động dựa trên sản phẩm chính mà đơn vị cơ sở đó sản xuất ra.

Đối với cơ sở SXKD cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản (viết gọn là NLTS), thường không có văn phòng quản lý. Do đó, đơn vị điều tra đa cơ sở SXKD cá thể phi NLTS là cơ sở có từ hai hoạt động SXKD trở lên.

b) Phân loại đơn vị điều tra theo hình thức hoạt động

(1) Doanh nghiệp

Doanh nghiệp được thành lập và chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp; Hợp tác xã/Liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân (viết gọn là doanh nghiệp). Doanh nghiệp bao gồm:

- Doanh nghiệp đơn cơ sở chỉ có một đơn vị cơ sở đóng trên cùng địa bàn (xã) với văn phòng quản lý của doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp đơn cơ sở, đơn vị điều tra cũng chính là đối tượng điều tra và được xếp ngành hoạt động dựa trên sản phẩm chính của địa điểm SXKD duy nhất;

- Doanh nghiệp đa cơ sở có từ hai đơn vị cơ sở đóng trên cùng xã với văn phòng quản lý hoặc có ít nhất một đơn vị cơ sở đóng tại địa bàn xã khác với văn phòng quản lý. Theo đó, văn phòng quản lý được xác định là một đơn vị cơ sở và xếp vào ngành hoạt động của trụ sở văn phòng (trừ văn phòng quản lý của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và bảo hiểm được xếp vào cùng ngành tài chính, ngân hàng và bảo hiểm). Các đơn vị cơ sở khác được xếp vào ngành hoạt động dựa trên sản phẩm chính mà đơn vị cơ sở sản xuất ra. Đối với doanh nghiệp đa cơ sở, đơn vị cơ sở có thể đóng trên cùng hoặc không cùng địa bàn xã với văn phòng quản lý.

- Tập đoàn, tổng công ty

+ Đối với 59 tập đoàn, tổng công ty và doanh nghiệp có hoạt động hạch toán toàn ngành thuộc các lĩnh vực: bưu chính, viễn thông, điện lực, bảo hiểm, hàng không, đường sắt, ngân hàng có nhiều đơn vị cơ sở đóng trên phạm vi cả nước, Tổng cục Thống kê tổ chức điều tra văn phòng quản lý và các đơn vị cơ sở hạch toán phụ thuộc đóng trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ tiến hành thu thập thông tin đối với các doanh nghiệp hạch toán độc lập, không thuộc hoạt động hạch toán toàn ngành, trực thuộc các tập đoàn, tổng công ty này có địa điểm đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (danh sách các tập đoàn, tổng công ty và doanh nghiệp có hoạt động hạch toán toàn ngành được đề cập tại Phụ lục 01);

+ Đối với các tập đoàn, tổng công ty còn lại (không bao gồm 62 tập đoàn, tổng công ty ở *Phụ lục 01*): các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện điều tra, đơn vị điều tra là: (1) Văn phòng quản lý của tập đoàn, tổng công ty và các đơn vị cơ sở hạch toán phụ thuộc vào văn phòng tập đoàn, tổng công ty; (2) Các doanh nghiệp trực thuộc tập đoàn, tổng công ty hạch toán độc lập đóng trên địa bàn.

Lưu ý: Đơn vị điều tra là doanh nghiệp, các đơn vị cơ sở thường là các địa điểm SXKD. Tuy nhiên, trên thực tế trong doanh nghiệp nhà nước có các cơ sở sự nghiệp (như trường học, bệnh viện,...) do đó, đối tượng điều tra trong các doanh nghiệp bao gồm tất cả các loại đơn vị cơ sở trực thuộc như: cơ sở SXKD, cơ sở sự nghiệp,...

(2) Cơ sở SXKD cá thể

Cơ sở SXKD cá thể thuộc sở hữu của một người, một nhóm người hoặc một gia đình, chưa đăng ký hoạt động theo loại hình doanh nghiệp, không bao gồm hộ thực hiện duy nhất một hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản. Cơ sở SXKD cá thể bao gồm:

- *Cơ sở đơn* là cơ sở chỉ có một hoạt động SXKD. Trong cơ sở đơn, đơn vị điều tra cũng chính là đối tượng điều tra và được xếp vào ngành hoạt động của đơn vị cơ sở duy nhất.

- *Hộ đa cơ sở* có từ hai cơ sở SXKD cá thể trở lên. Cơ sở SXKD cá thể của hộ đa cơ sở được xếp vào ngành hoạt động dựa trên sản phẩm chính mà cơ sở sản xuất ra.

Lưu ý: Đối với cả hai loại cơ sở đơn và hộ đa cơ sở, cơ sở SXKD cá thể có thể đóng trên cùng hoặc không cùng địa bàn xã với địa điểm mà chủ cơ sở sinh sống.

Riêng cơ sở SXKD cá thể ngành xây dựng, do đặc thù của hoạt động này và mục tiêu thống kê số lượng cơ sở, quy định: cơ sở SXKD cá thể xây dựng là đội/tổ/nhóm cá thể (gọi chung là đội xây dựng cá thể) do một người đứng ra làm đội trưởng (hay còn gọi là chủ/cai thầu xây dựng) thực hiện nhận thầu và tiến hành xây dựng mới, lắp đặt thiết bị, sửa chữa công trình xây dựng; được xác định theo tên và địa chỉ thường

trú của chủ cơ sở (đội trưởng). Số lượng đơn vị cơ sở tính theo số lượng đội trưởng; không xác định số lượng cơ sở theo số lượng công trình mà đội trưởng đang tiến hành xây dựng. Trường hợp đội trưởng xây dựng nhận nhiều công trình xây dựng tại cùng một thời điểm vẫn chỉ tính là một cơ sở.

(3) Đơn vị sự nghiệp, hiệp hội

Đơn vị sự nghiệp, hiệp hội là loại hình tổ chức dịch vụ do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, doanh nghiệp thành lập hoặc cho phép thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thực hiện chức năng cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công cho xã hội.

- Đơn vị sự nghiệp, hiệp hội đơn cơ sở chỉ có một đơn vị cơ sở đóng trên cùng địa bàn xã với văn phòng quản lý của đơn vị sự nghiệp. Trong đơn vị sự nghiệp đơn cơ sở, đơn vị điều tra cũng chính là đối tượng điều tra và được xếp vào ngành hoạt động của đơn vị cơ sở duy nhất.

- Đơn vị sự nghiệp, hiệp hội đa cơ sở có từ hai đơn vị cơ sở thực hiện từ hai hoạt động trở lên đóng trên cùng địa bàn xã với văn phòng quản lý hoặc có ít nhất một đơn vị cơ sở đóng tại địa bàn xã khác. Các đơn vị cơ sở khác được xếp vào ngành hoạt động dựa trên sản phẩm chính mà nó sản xuất ra.

(4) Đơn vị tôn giáo, tín ngưỡng

- Cơ sở tôn giáo là nơi thờ tự, tu hành, nơi đào tạo người chuyên hoạt động tôn giáo, trụ sở của tổ chức tôn giáo và những cơ sở khác của tôn giáo được Nhà nước công nhận như: chùa, tự, viện, tịnh xá, niệm Phật đường, nhà thờ, nhà thờ họ công giáo, nhà nguyện, thánh thất, thánh đường, tu viện, trường đào tạo riêng của tôn giáo.

- Cơ sở tín ngưỡng là nơi thực hiện hoạt động tín ngưỡng của cộng đồng. Gồm các cơ sở tín ngưỡng là đình, đền, phủ, am và tương đương. Loại trừ: các cơ sở tín ngưỡng là miếu, từ đường, nhà thờ họ của dòng họ gia đình.

3. Phạm vi điều tra

Cuộc Tổng điều tra thực hiện trên phạm vi cả nước đối với tất cả đơn vị điều tra thuộc các loại hình kinh tế, ngành kinh tế từ ngành A đến ngành U (trừ ngành O) theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (VSIC 2018), cụ thể:

- Ngành A: Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (*chỉ điều tra các doanh nghiệp và các cơ sở trực thuộc doanh nghiệp hoạt động trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản*);

- Ngành B: Khai khoáng;

- Ngành C: Công nghiệp chế biến, chế tạo;

- Ngành D: Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí;

- Ngành E: Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải;

- Ngành F: Xây dựng;

- Ngành G: Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác;

- Ngành H: Vận tải, kho bãi;

- Ngành I: Dịch vụ lưu trú và ăn uống;

- Ngành J: Thông tin và truyền thông;

- Ngành K: Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm;

- Ngành L: Hoạt động kinh doanh bất động sản;

- Ngành M: Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ;

- Ngành N: Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ;

- Ngành P: Giáo dục và đào tạo;

- Ngành Q: Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội;

- Ngành R: Nghệ thuật, vui chơi và giải trí;

- Ngành S: Hoạt động dịch vụ khác;

- Ngành U: Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế.

III. NỘI DUNG ĐIỀU TRA, PHIẾU ĐIỀU TRA

1. Nội dung điều tra

Nội dung điều tra bao gồm các nhóm thông tin sau:

- Thông tin nhận dạng đơn vị điều tra: Thông tin định danh của cơ sở; ngành hoạt động sản xuất, kinh doanh; các loại hình doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, hiệp hội, cơ sở trực thuộc của các tổ chức trên; cơ sở SXKD cá thể; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng; các tổ chức phi chính phủ nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động tại Việt Nam;

- Thông tin về lao động và thu nhập của người lao động: Thông tin về người đứng đầu; lao động của cơ sở; thu nhập của người lao động;

- Thông tin về kết quả, chi phí SXKD: Tài sản, nguồn vốn; kết quả hoạt động, chi phí SXKD; thuế và các khoản nộp ngân sách; vốn đầu tư; nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R&D), đổi mới sáng tạo; các chỉ tiêu thống kê chuyên ngành trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia phân tổ theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam và Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam; tiêu dùng năng lượng;

- Thông tin về tình hình ứng dụng công nghệ thông tin: Sử dụng phần mềm quản lý, tự động hóa cho SXKD; sử dụng hình thức thương mại điện tử qua hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ trực tuyến; năng lực tiếp cận cách mạng Công nghiệp lần thứ 4;

- Thông tin về tình hình tiếp cận tài chính, hội nhập kinh tế quốc tế và thông tin chuyên đề về đơn vị điều tra.

2. Các loại phiếu điều tra và giải thích nội dung thông tin thu thập (quy định chi tiết tại Phụ lục 02).

IV. CÁC BẢNG DANH MỤC SỬ DỤNG TRONG ĐIỀU TRA

1. Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam năm 2018 ban hành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ;

2. Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam ban hành theo Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ;

3. Danh mục các đơn vị hành chính ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và được cập nhật đến thời điểm điều tra;

4. Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam ban hành theo Quyết định số 121-TCTK/PPCĐ ngày 02/3/1979 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê;

5. Danh mục các nước và vùng lãnh thổ: Áp dụng Bảng danh mục các nước và vùng lãnh thổ do Tổng cục Thống kê quy định.

V. THỜI ĐIỂM, THỜI KỲ ĐIỀU TRA VÀ THỜI GIAN THU THẬP THÔNG TIN

1. Thời điểm điều tra

- Đối với doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp: Thời điểm điều tra tiến hành vào ngày 01/3/2021.

Những chỉ tiêu thu thập theo thời điểm điều tra được lấy thông tin phát sinh tại thời điểm điều tra tùy theo từng chỉ tiêu và đơn vị điều tra được quy định cụ thể trong từng loại phiếu (áp dụng cho một số chỉ tiêu như tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ, lao động đầu kỳ và cuối kỳ,...).

- Đối với cơ sở SXKD cá thể, cơ sở tôn giáo: Thời điểm điều tra tiến hành vào ngày 01/7/2021.

2. Thời kỳ điều tra

Những chỉ tiêu thu thập theo thời kỳ được lấy thông tin theo số liệu phát sinh trong năm 2020 hoặc các tháng năm 2021 tùy theo từng chỉ tiêu và đơn vị điều tra, được quy định cụ thể trong từng loại phiếu điều tra.

3. Thời gian thu thập thông tin

- Đối với đơn vị điều tra là doanh nghiệp: Thời gian chuẩn bị thu thập thông tin từ ngày 01/02/2021 đến hết ngày 28/02/2021; thời gian thu thập thông tin từ ngày 01/3/2021 đến hết ngày 30/5/2021;

- Đối với đơn vị sự nghiệp, hiệp hội: Thời gian chuẩn bị thu thập thông tin từ ngày 01/02/2021 đến hết ngày 28/02/2021; thời gian thu thập thông tin từ ngày 01/3/2021 đến hết ngày 30/4/2021.

- Đối với cơ sở SXKD cá thể: Thời gian chuẩn bị thu thập từ ngày 02/5/2021 đến hết ngày 15/6/2021; thời gian thu thập thông tin từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 30/7/2021.

- Đối với cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng: Thời gian chuẩn bị thu thập thông tin từ ngày 01/6/2021 đến hết ngày 15/6/2021; thời gian thu thập thông tin từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 30/7/2021.

VI. LOẠI ĐIỀU TRA VÀ PHƯƠNG PHÁP THU THẬP THÔNG TIN

1. Loại điều tra

Tổng điều tra kinh tế năm 2021 thực hiện điều tra toàn bộ kết hợp với điều tra chọn mẫu.

a) Điều tra toàn bộ: Thực hiện đối với các đối tượng, đơn vị điều tra nhằm thu thập thông tin cơ bản về cơ sở.

- *Doanh nghiệp:* Điều tra toàn bộ thông tin cơ bản của doanh nghiệp, chi nhánh; sản phẩm vật chất và dịch vụ của địa điểm SXKD trực thuộc doanh nghiệp/chi nhánh. Nội dung, quy trình thực hiện quy định tại *Phụ lục 03*.

- *Đơn vị sự nghiệp, hiệp hội*

+ Danh sách và thông tin về các đơn vị sự nghiệp công lập, cơ sở SXKD thuộc các cơ quan hành chính, đảng, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp công lập do cơ quan Thống kê các cấp phối hợp với cơ quan Nội vụ các cấp thực hiện.

+ Danh sách và thông tin về các đơn vị sự nghiệp, hiệp hội ngoài công lập và cơ sở SXKD thuộc các đơn vị này do Cục Thống kê thực hiện.

Nội dung, quy trình thực hiện quy định tại *Phụ lục 04*.

- *Cơ sở SXKD cá thể; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng:* Nội dung, quy trình thực hiện quy định tại *Phụ lục 05*.

b) Điều tra chọn mẫu: Thực hiện đối với các đối tượng, đơn vị điều tra được chọn mẫu nhằm thu thập một số thông tin chi tiết cho từng

loại đơn vị điều tra. Số lượng, phương pháp và quy trình chọn mẫu được quy định riêng cho từng loại đơn vị điều tra.

Doanh nghiệp: Điều tra chọn mẫu kết quả SXKD thuộc doanh nghiệp và cơ sở trực thuộc doanh nghiệp. Quy trình chọn mẫu được quy định tại *Phụ lục 06*.

Cơ sở SXKD cá thể: Chọn mẫu cơ sở SXKD cá thể để thu thập thông tin chi tiết về kết quả SXKD theo chuyên ngành. Việc chọn mẫu do các Ban Chỉ đạo Tổng điều tra cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (viết gọn là BCD cấp tỉnh) thực hiện theo hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Tổng điều tra Trung ương (viết gọn là BCD TW) bằng phần mềm thống nhất toàn quốc. Quy trình chọn mẫu được quy định tại *Phụ lục 06*.

2. Phương pháp thu thập thông tin

a) Khai thác dữ liệu từ hồ sơ hành chính

Xây dựng danh sách nền từ các nguồn dữ liệu hành chính từ Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế, Kho bạc Nhà nước), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh) về đơn vị điều tra.

Xử lý, kiểm tra, ánh xạ dữ liệu từ Tổng cục Thuế, Kho bạc Nhà nước để tích hợp thông tin vào kết quả Tổng điều tra.

BCD cấp tỉnh thực hiện khai thác dữ liệu ban đầu theo hướng dẫn của BCD TW.

b) Thực hiện thu thập thông tin

(1) Đối với doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, hiệp hội: Thực hiện cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử của Tổng điều tra kinh tế 2021 (viết gọn là Trang thông tin điện tử TĐT). Điều tra viên có trách nhiệm cung cấp tài khoản, mật khẩu để đơn vị điều tra đăng nhập vào hệ thống và hướng dẫn người cung cấp thông tin điền thông tin vào bảng hỏi điện tử (web-form) trên Trang thông tin điện tử TĐT.

(2) Đối với cơ sở SXKD cá thể và cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng: Điều tra viên đến từng cơ sở gặp người cung cấp thông tin (chủ cơ sở) để phỏng vấn, kết hợp quan sát đối tượng điều tra để ghi đầy đủ các câu trả lời vào phiếu điện tử (CAPI) được thiết kế trên thiết bị điện tử cầm tay.

VII. QUY TRÌNH XỬ LÝ THÔNG TIN

1. Xử lý dữ liệu ban đầu

Xây dựng và xử lý các cơ sở dữ liệu về đơn vị điều tra phục vụ phân chia các hình thức thu thập thông tin theo bảng hỏi điện tử (web-form), phiếu điện tử (CAPI).

2. Xử lý thông tin phiếu điều tra

a) Bảng hỏi điện tử (web-form): Thông tin trên phiếu trực tuyến được lưu trữ trên máy chủ của Tổng cục Thống kê sau khi doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp hoàn thành việc cung cấp thông tin. Dữ liệu điều tra được kiểm tra và tích hợp vào cơ sở dữ liệu chung phục vụ công tác làm sạch và xử lý, tổng hợp kết quả Tổng điều tra.

b) Phiếu điện tử (CAPI): Thông tin trên phiếu điện tử được điều tra viên hoàn thành và gửi về máy chủ của Tổng cục Thống kê ngay sau quá trình điều tra thực tế tại địa bàn. Dữ liệu được kiểm tra, duyệt và nghiệm thu bởi các giám sát viên cấp huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện); tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là cấp tỉnh) và Trung ương.

c) Tích hợp vào dữ liệu chung và chiết xuất dữ liệu

Dữ liệu điều tra từ phiếu điện tử; dữ liệu điều tra từ bảng hỏi điện tử và dữ liệu điều tra của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an được tích hợp vào cơ sở dữ liệu chung Tổng điều tra. Sau đó, dữ liệu được làm sạch, xử lý và tổng hợp kết quả điều tra.

Dữ liệu Tổng điều tra được chiết xuất và lưu trữ dưới các định dạng Excel, SPSS, Stata để phục vụ phân tích dữ liệu và viết báo cáo kết quả Tổng điều tra.

VIII. KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH ĐIỀU TRA

Kế hoạch thực hiện các nội dung chính của Tổng điều tra như sau:

Nội dung	Thời gian	Cơ quan chủ trì
I. Công tác chuẩn bị		
1. Xây dựng Phương án, thiết kế phiếu điều tra (bảng hỏi điện tử), giải thích nội dung thông tin thu thập	Tháng 5-8/2020	BCĐ TW
2. Biên soạn tài liệu hướng dẫn điều tra, sổ tay	Tháng 5-11/2020	
3. Xây dựng hệ thống phần mềm xử lý Tổng điều tra, bao gồm: - Trang Web điều hành tác nghiệp; phần mềm thu thập, xử lý, tổng hợp - Phổ biến cơ sở dữ liệu	Tháng 10-12/2020 Năm 2022	
4. Hạ tầng công nghệ thông tin (máy chủ, đường truyền, thiết bị lưu trữ, thiết bị bảo mật, thiết bị phục vụ thu thập thông tin...)	Tháng 01-07/2021	
5. In và phát hành tài liệu	Tháng 01/2021	BCĐ các cấp, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an
6. Tuyển chọn điều tra viên, giám sát viên, quản trị hệ thống khối doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp	Tháng 01/2021	
7. Tập huấn nghiệp vụ các cấp	Tháng 01-5/2021	
8. Xây dựng danh sách đơn vị điều tra từ nguồn dữ liệu của các cơ quan liên quan	Tháng 01/2021	Tổ TT TW
9. Lập bảng kê đơn vị điều tra		
9.1. Đơn vị sự nghiệp, hiệp hội	Tháng 02/2021	BCĐ các cấp, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an
9.2. Cơ sở cá thể, tôn giáo, tín ngưỡng	Tháng 5- ngày 15/6/2021	BCĐ các cấp
10. Chọn mẫu đơn vị điều tra		
10.1. Doanh nghiệp	Tháng 02/2021	Tổ TT TW
10.2. Cơ sở cá thể	Từ 16/6-20/6/2021	
11. Tuyên truyền các cấp về nội dung cuộc Tổng điều tra	Tháng 1-7/2021	BCĐ các cấp
12. Tuyển chọn điều tra viên, giám sát viên, quản trị hệ thống khối cá thể, tôn giáo	Tháng 5/2021	

Nội dung	Thời gian	Cơ quan chủ trì
II. Triển khai thu thập thông tin		
1. Doanh nghiệp		
1.1. Thu thập thông tin	Tháng 03-5/2021	BCĐ các cấp, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an
1.2. Kiểm tra, làm sạch thông tin, mã sản phẩm, mã ngành kinh tế, xác minh thông tin bằng hỏi điện tử	Tháng 03-7/2021	
1.3. Kiểm tra, làm sạch dữ liệu; xử lý, ánh xạ chỉ tiêu từ Tổng cục Thuế và tích hợp vào hệ thống thông tin Tổng điều tra	Tháng 4-10/2021	Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng CNTT (viết gọn Cục TTDL)
2. Đơn vị sự nghiệp, hiệp hội		
2.1. Đơn vị sự nghiệp, hiệp hội cấp Trung ương		
2.1.1. BCĐ TW phối hợp với Bộ Nội vụ hướng dẫn các Bộ, ngành thực hiện thu thập thông tin	Tháng 02/2021	BCĐ TW, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an
2.1.2. Các Bộ, ngành thực hiện cung cấp thông tin	Tháng 3-4/2021	Tổ Công tác Bộ, ngành
2.1.3. Kiểm tra, làm sạch và xác minh thông tin	Tháng 4-5/2021	Cục TTDL
2.2. Đơn vị sự nghiệp, hiệp hội cấp địa phương		
2.2.1. Thu thập thông tin	Tháng 3-4/2021	BCĐ các cấp, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an
2.2.2. Kiểm tra, làm sạch và xác minh thông tin	Tháng 4-5/2021	
2.2.3. Kiểm tra, làm sạch và xác minh thông tin cấp TW	Tháng 7-8/2021	Cục TTDL
3. Cơ sở cá thể, tôn giáo, tín ngưỡng		
3.1. Thu thập thông tin cơ sở SXKD cá thể	Tháng 7/2021	BCĐ các cấp
3.2. Kiểm tra, làm sạch và xác minh thông tin		
3.2.1. Cấp xã kiểm tra các lỗi trên phần mềm và báo điều tra viên làm sạch hoàn thiện phiếu	Trước 15/8/2021	BCĐ cấp xã
3.2.2. Cấp huyện kiểm tra làm sạch số liệu	Trước 31/8/2021	BCĐ cấp huyện
3.2.3. Cấp tỉnh kiểm tra làm sạch số liệu	Trước 15/9/2021	BCĐ cấp tỉnh
3.2.4. Cấp trung ương kiểm tra làm sạch số liệu	Trước 15/10/2021	Cục TTDL

Nội dung	Thời gian	Cơ quan chủ trì
III. Kiểm tra, giám sát, thanh tra các hoạt động Tổng điều tra	Tháng 02-8/2021	BCĐ các cấp, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an
IV. Nghiệm thu kết quả điều tra các cấp	Tháng 6-10/2021	
V. Xử lý, tổng hợp sơ bộ kết quả Tổng điều tra		
5.1. Tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả sơ bộ Tổng điều tra	Tháng 10-11/2021	Bộ KHĐT (TCTK)
5.2. Công bố kết quả sơ bộ; đưa lên cổng thông tin và trang điều hành của Bộ KHĐT	Tháng 12/2021	Tổng cục trưởng TCTK
VI. Công bố kết quả chính thức Tổng điều tra		
6.1. Biên soạn sách trắng doanh nghiệp, sách trắng hợp tác xã	Tháng 01/2022	Bộ KHĐT (TCTK)
6.2. Tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả chính thức Tổng điều tra	Quý 1/2022	
6.3. Công bố kết quả chính thức Tổng điều tra và đưa lên cổng thông tin của Bộ KHĐT và của Chính phủ	Tháng 2/2022	Tổng cục trưởng TCTK
6.4. Biên soạn, xuất bản ấn phẩm kết quả chính thức và các ấn phẩm chuyên đề Tổng điều tra	Tháng 6-12/2022	Bộ KHĐT (TCTK)
6.5. Xây dựng các cơ sở dữ liệu, phân tích chuyên sâu kết quả Tổng điều tra.	Tháng 12/2022	
VII. Tổng kết, khen thưởng Tổng điều tra các cấp	Quý II/2022	BCĐ TW

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành lập BCĐ các cấp

a) Cấp Trung ương

- BCĐ Tổng điều tra kinh tế Trung ương được thành lập theo Quyết định số 752/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm Trưởng ban, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê làm Phó Trưởng ban thường trực, 01 Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê làm Ủy viên thường trực; đại diện

Lãnh đạo các Bộ, ngành: Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Công Thương, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Tài chính, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Khoa học và Công nghệ, Tổng cục Thuế, Kho bạc Nhà nước, Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam và Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

- BCD TW có trách nhiệm xây dựng và ban hành Phương án Tổng điều tra, tổ chức chỉ đạo thực hiện cuộc Tổng điều tra theo đúng kế hoạch, nội dung và phương án phê duyệt.

- Tổng cục Thống kê phối hợp với Bộ Nội vụ hướng dẫn các Bộ, ngành thành lập Tổ công tác để tổ chức thu thập thông tin đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các cơ quan Đảng, Nhà nước ở cấp Trung ương theo hướng dẫn của BCD TW. Các cơ sở trực thuộc của cơ quan Nhà nước tổ chức theo ngành dọc ở cấp địa phương do BCD cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức điều tra.

- Tổ Thường trực Tổng điều tra kinh tế Trung ương (viết gọn là Tổ TT TW) là bộ phận thường trực giúp BCD TW tổ chức chỉ đạo Tổng điều tra, có trụ sở đặt tại Tổng cục Thống kê, 54 Nguyễn Chí Thanh.

b) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an

Cuộc Tổng điều tra được tổ chức thực hiện theo các cấp hành chính. Tuy nhiên, do tính chất đặc thù của hai ngành hoạt động quản lý Nhà nước về quốc phòng và an ninh, Bộ Quốc phòng và Bộ Công an thành lập riêng hai BCD Tổng điều tra, triển khai điều tra riêng theo sự chỉ đạo ngành dọc từ trung ương đến địa phương của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an nhưng thống nhất với nội dung phương án Tổng điều tra của cả nước.

Tổ TT Tổng điều tra của mỗi Bộ là bộ phận thường trực giúp BCD Tổng điều tra của mỗi Bộ để tổ chức triển khai Tổng điều tra.

c) Cấp địa phương

BCD và Tổ TT các cấp ở địa phương được thành lập theo quy định tại Công văn số 4854/BCDTW-TTT ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chuẩn bị Tổng điều tra kinh tế năm 2021.

BCĐ các cấp ở địa phương có nhiệm vụ tổ chức, chỉ đạo thực hiện cuộc Tổng điều tra tại địa phương mình theo đúng hướng dẫn của BCĐ TW; đồng thời tham mưu về chủ trương, giải pháp để hỗ trợ các cấp, các ngành trong Tổng điều tra.

2. Xác định địa bàn và lập bảng kê các đơn vị điều tra

a) Doanh nghiệp

Tổ TT TW xây dựng danh sách đơn vị điều tra từ các nguồn dữ liệu của Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế, Kho bạc Nhà nước), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

b) Đơn vị sự nghiệp, hiệp hội

(1) Thu thập thông tin định danh về đơn vị điều tra là các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ sở SXKD trực thuộc các đơn vị này: BCĐ các cấp tổ chức thực hiện và được tiến hành cùng thời điểm với cuộc điều tra các cơ sở hành chính do Bộ Nội vụ thực hiện.

(2) Thu thập thông tin định danh về đơn vị điều tra là các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, hiệp hội và các cơ sở SXKD trực thuộc các đơn vị này do BCĐ các cấp ở địa phương thực hiện.

(Quy trình thu thập thông tin quy định tại Phụ lục 04).

BCĐ cấp tỉnh hoàn thành thông tin định danh về các đơn vị sự nghiệp, hiệp hội, cơ sở SXKD thuộc các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trước ngày 25/2/2021.

c) Cơ sở SXKD cá thể

(1) Quy định địa bàn điều tra

Địa bàn điều tra cơ sở SXKD cá thể là tổ dân phố, thôn, ấp, bản. Các khu vực tập trung nhiều cơ sở SXKD cá thể như chợ, siêu thị, trung tâm thương mại thì mỗi khu vực này là một địa bàn điều tra riêng và giao cho các Ban quản lý những khu vực đó phối hợp triển khai thu thập thông tin.

BCĐ các cấp căn cứ vào hướng dẫn và tình hình thực tế để phân chia số lượng địa bàn điều tra cho mỗi điều tra viên, giám sát viên cho phù hợp.

(2) Thực hiện thu thập thông tin cơ bản của toàn bộ cơ sở SXKD cá thể

Điều tra viên tiến hành thu thập thông tin cơ bản của toàn bộ cơ sở SXKD cá thể thực tế tại địa bàn và hoàn thành trước 15/6/2021.

(Quy trình thu thập thông tin về cơ sở SXKD cá thể quy định tại Phụ lục 05).

d) Cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng

Thông tin về các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng: Do Bộ Nội vụ (Ban Tôn giáo Chính phủ) cung cấp thông tin ban đầu; BCĐ các cấp cập nhật thông tin định danh về các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng do UBND các cấp quản lý, theo dõi.

Thông tin thực tế về các đơn vị điều tra thuộc khối tôn giáo hoàn thành trước ngày 15/6/2021.

d) Tổng hợp thông tin về đơn vị điều tra toàn bộ

Tổng hợp thông tin về đơn vị điều tra doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp theo từng địa bàn điều tra để làm căn cứ chọn mẫu điều tra, phân chia số lượng đơn vị điều tra và địa bàn điều tra cho điều tra viên theo từng loại đơn vị điều tra: doanh nghiệp; cơ sở SXKD cá thể phi NLTS; đơn vị sự nghiệp; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng.

e) Danh sách các đơn vị điều tra mẫu

- Doanh nghiệp: Tổ TT TW thực hiện chọn mẫu doanh nghiệp, hợp tác xã và gửi danh sách doanh nghiệp, hợp tác xã được chọn mẫu cho BCĐ cấp tỉnh để tiến hành điều tra doanh nghiệp giai đoạn 2.

- Cơ sở SXKD cá thể: Tổ TT cấp tỉnh thực hiện chọn mẫu theo hướng dẫn của BCĐ TW, sử dụng phần mềm máy tính thống nhất trên toàn quốc. Thời gian hoàn thành việc rà soát, chọn mẫu và danh sách cơ sở mẫu trước ngày 20/6/2021.

3. Tuyển dụng điều tra viên, giám sát viên và quản trị hệ thống

a) Nhiệm vụ của điều tra viên, giám sát viên và quản trị hệ thống

(1) Nhiệm vụ của điều tra viên

- Khối doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, hiệp hội

- + Tham dự đầy đủ và nghiêm túc lớp tập huấn dành cho điều tra viên;
- + Liên hệ với doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp cung cấp tài khoản (tên đăng nhập, mật khẩu) và hướng dẫn người cung cấp thông tin truy cập vào Trang thông tin điện tử TĐT và khai thông tin theo bảng hỏi điện tử;
- + Hướng dẫn qui trình kê khai và giải đáp thắc mắc cho người cung cấp thông tin theo yêu cầu của phương án điều tra;
- + Kiểm soát tiến độ, đôn đốc, nhắc nhở, hỗ trợ doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp trả lời chính xác và đầy đủ các chỉ tiêu trong bảng hỏi phù hợp với ngành nghề SXKD thực tế của cơ sở;
- + Kiểm tra logic, chất lượng thông tin do cơ sở cung cấp và liên hệ lại nếu cần xác minh, chỉnh sửa và cập nhật lại thông tin trên Trang thông tin điện tử TĐT;
- + Ghi mã, chuyển đổi những chỉ tiêu liên quan theo các bảng mã quy định (đơn vị hành chính, ngành kinh tế, sản phẩm sản xuất, tiêu thụ và tồn kho...);
- + Báo cáo cho Tổ thường trực cấp tỉnh, huyện những vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thu thập thông tin nằm ngoài qui định của phương án điều tra;

- + Định kỳ báo cáo tiến độ và kết quả công việc được phân công.

- Khối cá thể, tôn giáo

- + Tham dự đầy đủ và nghiêm túc lớp tập huấn dành cho điều tra viên;
- + Trực tiếp đến các đơn vị điều tra được phân công để phỏng vấn thu thập thông tin của cơ sở theo đúng yêu cầu;

+ Thực hiện đầy đủ các quy định đối với điều tra viên trong quy trình thu thập thông tin và hoàn thành các công việc có liên quan khác.

(2) Nhiệm vụ của giám sát viên

+ Giám sát Ban Chỉ đạo cấp huyện tập huấn cho Ban Chỉ đạo cấp xã và điều tra viên;

+ Theo dõi sát tiến độ thu thập thông tin của điều tra viên được phân công quản lý; đôn đốc điều tra viên thực hiện đúng tiến độ thu thập thông tin theo quy định;

+ Báo cáo cho Tổ Thường trực cấp tỉnh/huyện những vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thu thập thông tin doanh nghiệp nằm ngoài quy định của Phương án điều tra;

+ Định kỳ báo cáo tiến độ và kết quả công việc được phân công.

(3) Nhiệm vụ của quản trị hệ thống

+ Đảm bảo ổn định, thường xuyên, liên tục hệ thống thu thập thông tin của Tổng điều tra;

+ Quản lý toàn bộ tài khoản của Tổ thường trực, giám sát viên, điều tra viên, doanh nghiệp thuộc cấp quản lý (tài khoản sử dụng);

+ Phân quyền cho các tài khoản sử dụng theo qui định;

+ Cập nhật các thông tin liên quan đến Tổng điều tra: Văn bản pháp lý liên quan, thông báo nghiệp vụ, danh sách đơn vị điều tra.

b) Số lượng điều tra viên cần tuyển chọn

Số lượng điều tra viên: Cần tuyển chọn điều tra viên cho việc thu thập thông tin. Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa bàn điều tra, BCD từng cấp ở địa phương cần xác định định mức theo địa bàn điều tra hoặc số lượng đơn vị điều tra phù hợp cho mỗi điều tra viên.

Để đảm bảo tính chủ động và tiến độ Tổng điều tra, cần tuyển chọn và tập huấn dự phòng thêm 3% số điều tra viên.

c) Tuyển chọn điều tra viên và giám sát viên

- BCD cấp tỉnh, huyện, xã chịu trách nhiệm tuyển chọn điều tra viên, thích hợp cho từng loại đơn vị điều tra. BCD cấp huyện chịu trách nhiệm hướng dẫn BCD cấp xã tuyển chọn điều tra viên cho từng địa bàn điều tra thuộc địa phương.

- Cuộc Tổng điều tra kinh tế gồm 03 cấp giám sát: Giám sát viên cấp Trung ương, giám sát viên cấp tỉnh và giám sát viên cấp huyện với nhiệm vụ giám sát hoạt động của điều tra viên, hỗ trợ chuyên môn cho người tham gia điều tra ở cấp dưới. Giám sát viên các cấp là công chức, viên chức ngành thống kê được trung tập cho cuộc điều tra.

4. Tập huấn BCD các cấp, giám sát viên, quản trị hệ thống và điều tra viên

a) Cấp Trung ương

Tổng cục Thống kê mở các Hội nghị tập huấn nghiệp vụ cho giám sát viên cấp Trung ương, thành viên Tổ công tác cấp Trung ương, công chức thống kê Trung ương có liên quan, lãnh đạo Cục Thống kê và giảng viên cấp tỉnh.

- Hội nghị tập huấn nghiệp vụ điều tra: Thời gian hội nghị 2 ngày.

- Hội nghị tập huấn sử dụng thiết bị và phần mềm để thực hiện bảng hỏi điện tử: Thời gian hội nghị 2 ngày.

Thành phần và số lượng do Tổng cục trưởng quy định cho từng hội nghị.

b) Cấp tỉnh

Cục Thống kê tổ chức tập huấn trực tiếp cho thành viên Tổ TT cấp tỉnh, giám sát viên cấp tỉnh và giảng viên cấp huyện.

- Tập huấn nghiệp vụ điều tra, sử dụng thiết bị và phần mềm: Thời gian hội nghị 2 ngày.

- Tập huấn công tác phân cấp, kiểm tra giám sát cho các giám sát viên cấp tỉnh và cấp huyện. Thời gian hội nghị 2 ngày.

Thành phần và số lượng do Cục trưởng Cục Thống kê quy định cho từng hội nghị.

c) Cấp huyện

Cục Thống kê hoặc Chi cục Thống kê tổ chức tập huấn trực tiếp cho giám sát viên cấp huyện, điều tra viên.

- Tập huấn nghiệp vụ cho điều tra viên, giám sát viên Phiếu cá thể, tôn giáo. Thời gian tập huấn: 1 ngày;

- Hướng dẫn sử dụng thiết bị di động để thu thập thông tin trên Phiếu điều tra điện tử cho điều tra viên và giám sát viên. Thời gian tập huấn: 1 ngày.

5. Hoạt động tuyên truyền

a) Công tác tuyên truyền

- Cần tập trung làm rõ mục đích, ý nghĩa, yêu cầu, nội dung, kế hoạch, trách nhiệm của các cấp, các ngành và nhân dân trong quá trình thực hiện Tổng điều tra.

- BCD các cấp cần huy động tối đa các nguồn lực phục vụ công tác tuyên truyền Tổng điều tra đảm bảo thiết thực, hiệu quả.

b) Thời gian thực hiện hoạt động tuyên truyền

- Tuyên truyền nội dung chung về Tổng điều tra và chuyên đề về doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp bắt đầu từ tháng 02 năm 2021.

- Tuyên truyền nội dung Tổng điều tra về cơ sở cá thể, tôn giáo từ tháng 5 đến tháng 7 năm 2021.

6. Triển khai thu thập thông tin

a) Thu thập thông tin qua web-form

Thu thập thông tin qua web-form được áp dụng chung cho cả hai giai đoạn điều tra toàn bộ và điều tra chọn mẫu, bao gồm các công việc sau:

- Điều tra viên liên hệ và cung cấp tài khoản cho doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, hiệp hội;

- Doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, hiệp hội đăng nhập vào hệ thống và thực hiện cung cấp thông tin theo hướng dẫn của điều tra viên;

- Sau khi doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, hiệp hội hoàn thành cung cấp thông tin, điều tra viên có trách nhiệm kiểm tra chất lượng thông tin kê khai, xác minh lại thông tin do doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, hiệp hội đã cung cấp (nếu cần) và tiến hành hoàn thiện bảng hỏi điện tử;

- Bảng hỏi điện tử được kiểm tra, làm sạch, điều tra viên thực hiện ghi mã sản phẩm/dịch vụ (theo mã ngành sản phẩm VCPA 2018) do doanh nghiệp, chi nhánh của doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, hiệp hội đã kê khai và xác nhận hoàn thành bảng hỏi điện tử trên hệ thống.

b) Thu thập thông tin qua phỏng vấn trực tiếp

- Đối với việc thu thập thông tin tại cơ sở SXKD cá thể: Trước khi đến hộ, điều tra viên cùng giám sát viên kiểm tra lại thiết bị di động và thông tin định danh của từng địa bàn điều tra. Thiết bị di động (máy tính bảng, điện thoại thông minh) được huy động từ các điều tra viên hoặc các tổ chức tại địa phương theo hình thức hỗ trợ thuê thiết bị.

- Đối với những cơ sở điều tra đầu tiên, điều tra viên đi cùng cán bộ tổ dân phố, thôn (ấp, bản), giám sát viên để cùng phỏng vấn chủ cơ sở, đồng thời xem xét các thông tin chủ cơ sở cung cấp có sát với thực tế hay không, từ đó rút kinh nghiệm phương pháp phỏng vấn đối với các cơ sở tiếp theo.

Trong quá trình thu thập thông tin, nếu chủ cơ sở chưa rõ câu hỏi, điều tra viên cần giải thích thêm. Điều tra viên chỉ ghi vào phiếu những thông tin trung thực và đã được kiểm tra, nhất là các thông tin về doanh thu, sản lượng SXKD. Điều tra viên tuyệt đối không được tự ý ghi chép vào phiếu những thông tin sai sự thật dưới mọi hình thức.

- Đối với các đơn vị điều tra là cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, điều tra viên cần thông báo trước cho các đơn vị điều tra về thời gian điều tra viên đến và khoảng thời gian cần thiết dành cho việc thu thập thông tin.

7. Công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra

Nhằm bảo đảm chất lượng của cuộc Tổng điều tra, BCD các cấp có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc giám sát, kiểm tra kết hợp thanh tra thường xuyên hoặc đột xuất trong suốt thời gian tập huấn, thu thập, thông tin.

Lực lượng giám sát, kiểm tra, thanh tra ở Trung ương gồm thành viên BCD TW và Tổ TT TW; công chức Vụ Thống kê Thương mại và Dịch vụ; Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng; Cục TTDL; Vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia; Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản; Vụ Pháp chế và Thanh tra Thống kê; Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê; Viện Khoa học Thống kê và các đơn vị liên quan. Lực lượng giám sát, kiểm tra, thanh tra ở địa phương là các thành viên BCD, Tổ TT các cấp; công chức; thanh tra Cục Thống kê và công chức các Chi cục Thống kê.

Nội dung giám sát, kiểm tra, thanh tra gồm: Giám sát, kiểm tra, thanh tra việc tổ chức các lớp tập huấn, thu thập thông tin của đơn vị điều tra, số lượng và chất lượng thông tin do cơ sở cung cấp, các thủ tục hành chính, kiểm tra thực địa tại địa bàn,...

Hình thức giám sát, kiểm tra, thanh tra: Kiểm tra chéo, cấp trên giám sát, kiểm tra, thanh tra cấp dưới, kiểm tra thường xuyên và kiểm tra đột xuất, kiểm tra trọng điểm, tổng kiểm tra trước khi nghiệm thu. BCD cấp trên kiểm tra điển hình việc tổ chức và thực hiện điều tra đối với cấp dưới để phát hiện và giải quyết tại chỗ, kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình điều tra.

Nhằm bảo đảm chất lượng của thông tin thu thập tại địa bàn trước khi nghiệm thu, BCD cấp xã kiểm tra thông tin phiếu điều tra điện tử trên phần mềm. Công tác kiểm tra phiếu của các điều tra viên cần được thực hiện thường xuyên, không để dồn nhiều ngày.

8. Nghiệm thu

a) Tổ chức nghiệm thu ở các cấp

BCD cấp huyện nghiệm thu kết quả Tổng điều tra của BCD cấp xã và điều tra viên: hoàn thành trước 20/8/2021;

BCĐ cấp tỉnh nghiệm thu kết quả Tổng điều tra của BCĐ cấp huyện: hoàn thành trước ngày 10/9/2021;

BCĐ TW nghiệm thu kết quả Tổng điều tra của BCĐ cấp tỉnh, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an: hoàn thành trước 01/10/2021.

(Riêng khối doanh nghiệp thời gian và quy trình nghiệm thu được ghi chi tiết tại *Phụ lục 03*).

b) Nội dung nghiệm thu

Nội dung nghiệm thu được thực hiện đối với từng loại phiếu, mức độ đầy đủ các chỉ tiêu và chất lượng số liệu của phiếu. Các thành phần tham gia nghiệm thu cùng lập và ký biên bản nghiệm thu và chịu trách nhiệm về kết quả đã nghiệm thu.

9. Công bố kết quả

Thông tin về kết quả Tổng điều tra do Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê công bố theo quy định của pháp luật.

Cục trưởng Cục Thống kê cấp tỉnh công bố kết quả Tổng điều tra ở địa phương mình theo đúng kết quả do Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê đã công bố.

Số liệu sơ bộ công bố vào tháng 12 năm 2021.

Kết quả chính thức Tổng điều tra công bố vào tháng 2 năm 2022.

10. Một số nội dung liên quan khác

a) Tổng kết, khen thưởng và kỷ luật

(1) Tổng kết

Tổng kết Tổng điều tra được tiến hành ở ba cấp: Trung ương, cấp tỉnh và cấp huyện.

- Ở Trung ương: BCĐ TW tổ chức hội nghị toàn quốc tổng kết Tổng điều tra. Thành phần tham dự gồm: BCĐ và Tổ TT TW; đại diện BCĐ, Tổ TT Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; đại diện BCĐ, Tổ TT cấp tỉnh; đại diện các tập thể và cá nhân được nhận bằng khen.

- Ở cấp tỉnh: BCD cấp tỉnh tổ chức hội nghị tổng kết Tổng điều tra trên địa bàn tỉnh. Thành phần tham dự gồm: BCD và Tổ TT cấp tỉnh; đại diện BCD, Tổ TT cấp huyện; đại diện các tập thể và cá nhân được nhận bằng khen.

- Ở cấp huyện: BCD cấp huyện tổ chức hội nghị tổng kết Tổng điều tra trên địa bàn huyện. Thành phần tham dự gồm: BCD và Tổ TT cấp huyện; đại diện BCD cấp xã.

(2) Khen thưởng

Những tập thể, cá nhân lập thành tích trong cuộc Tổng điều tra sẽ được xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

BCD TW giao Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê hướng dẫn công tác khen thưởng cho BCD cấp tỉnh; BCD Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và là cơ quan đầu mối thẩm định, rà soát hồ sơ khen thưởng trình Hội đồng thi đua - khen thưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định và trình cấp trên khen thưởng.

Đối với hình thức khen thưởng là Bằng khen Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, căn cứ vào mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể và cá nhân trong cuộc Tổng điều tra tại địa phương; BCD cấp tỉnh trình Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định và bố trí kinh phí khen thưởng theo quy định của pháp luật.

(3) Kỷ luật

Những tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật thống kê trong cuộc Tổng điều tra sẽ bị kỷ luật theo quy định. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

b) Vật tư, văn phòng phẩm

(1) Vật tư, văn phòng phẩm chủ yếu sử dụng trong cuộc Tổng điều tra bao gồm: Thẻ thành viên BCD, thẻ điều tra viên, sổ tay ghi chép, bút bi,... phục vụ tập huấn và điều tra.

(2) Đối tượng sử dụng vật tư, văn phòng phẩm là thành viên BCD các cấp, giảng viên các lớp tập huấn, giám sát viên và điều tra viên. Vật tư, văn phòng phẩm được giao cho người sử dụng phù hợp với nhiệm vụ được phân công thực hiện.

(3) Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm in, mua sắm và phân phối những vật tư, văn phòng phẩm theo đúng hướng dẫn của BCD TW.

c) Công nghệ thông tin phục vụ Tổng điều tra

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) chịu trách nhiệm chuẩn bị hạ tầng và xây dựng hệ thống phần mềm bảo đảm phục vụ công tác điều hành, thu thập, xử lý và tổng hợp dữ liệu Tổng điều tra.

d) Lưu trữ và bảo mật dữ liệu

(1) Toàn bộ thông tin thu thập tại địa bàn được bảo mật và lưu trữ theo quy định của pháp luật hiện hành.

(2) Trách nhiệm về bảo mật và lưu trữ thông tin: Tổng cục Thống kê chịu trách nhiệm bảo mật thông tin do BCD cấp tỉnh giao nộp.

(3) Việc bàn giao dữ liệu điều tra được thực hiện thông qua biên bản bàn giao tài liệu phải đảm bảo đầy đủ các thủ tục hành chính quy định.

X. KINH PHÍ ĐIỀU TRA

Kinh phí Tổng điều tra do ngân sách Nhà nước bảo đảm cho mọi hoạt động quy định trong Phương án này. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo Thông tư số 109/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn của Tổng cục Thống kê.

BCD TW giao Tổng cục Thống kê hướng dẫn BCD các cấp việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cụ thể cho các hoạt động của cuộc Tổng điều tra theo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế và đặc thù của từng đơn vị, thực hiện chi trả đúng định mức, đúng đối tượng, đảm bảo chất lượng công việc được giao và chấp hành đúng các quy định về chế độ tài chính.

CHỈ THỊ

Tổ chức Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính năm 2021

Thực hiện Quyết định số 307/QĐ-TTg ngày 27 tháng 2 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức Tổng điều tra kinh tế năm 2021 và Quyết định số 1096/QĐ-BNV ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về tổ chức Điều tra cơ sở hành chính năm 2021.

Cuộc Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 lần này nhằm mục đích thu thập thông tin toàn diện về tình hình kinh tế - xã hội và sự phân bố các đơn vị cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp đang hoạt động trên cả nước nói chung, từng tỉnh, huyện, thành phố nói riêng; tính toán chỉ tiêu chuyên ngành thống kê, chỉ tiêu Tổng sản phẩm trong nước (GDP), Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (GRDP) năm 2020 theo Đề án đổi mới quy trình biên soạn số liệu Tổng sản phẩm trong nước trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các chỉ tiêu thống kê khác thuộc Hệ thống tài khoản quốc gia, làm căn cứ so sánh đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp giai đoạn 2020 - 2025; trên cơ sở đó xây dựng các quy hoạch, phân vùng; đồng thời có số liệu cơ bản làm dàn mẫu tổng thể cho các cuộc điều tra chọn mẫu hàng năm.

Để thực hiện cuộc Tổng điều tra trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được thuận lợi, đạt kết quả tốt, đảm bảo số liệu điều tra chính xác; Chủ tịch UBND tỉnh chỉ thị:

1. Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính tỉnh triển khai thực hiện các công việc như sau:

- Cục Thống kê Đồng Nai có trách nhiệm thường trực cuộc Tổng điều tra kinh tế phối hợp các sở ngành liên quan;

- Sở Nội vụ có trách nhiệm thường trực cuộc Điều tra cơ sở hành chính phối hợp các sở ngành liên quan.

+ Căn cứ phương án điều tra của Ban Chỉ đạo Tổng điều tra Trung ương lập kế hoạch Tổng điều tra kinh tế, phân công, phân nhiệm từng thành viên Ban Chỉ đạo, chuẩn bị các điều kiện vật chất như: Xây dựng kế hoạch triển khai, thực hiện điều tra, chuẩn bị văn bản, tài liệu giải thích, hướng dẫn; rà soát, lập danh sách đơn vị điều tra, quản lý thanh quyết toán kinh phí cuộc Tổng điều tra theo chế độ quy định.

+ Sau khi được Ban Chỉ đạo Tổng điều tra Trung ương tập huấn nghiệp vụ Tổng điều tra, tiến hành tổ chức triển khai, tập huấn nghiệp vụ cho điều tra viên trên toàn địa bàn tỉnh, đôn đốc thu thập thông tin, chỉnh lý và tổng hợp báo cáo về Ban Chỉ đạo Trung ương và UBND tỉnh theo đúng qui định của phương án Tổng điều tra.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế Đồng Nai phối hợp Thường trực Ban Chỉ đạo (Cục Thống kê Đồng Nai) cung cấp danh sách và thông tin dữ liệu các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có đến 31/12/2020; Cục Thuế tỉnh có văn bản chỉ đạo Chi cục Thuế các huyện, TP. Long Khánh, TP. Biên Hòa phối hợp BCĐ Tổng điều tra cấp huyện trong quá trình rà soát và thu thập thông tin doanh nghiệp.

- Giám đốc các Sở, ban, ngành, Thủ trưởng các cơ quan Đảng, đoàn thể cấp tỉnh thực hiện các công việc:

+ Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc phối hợp với cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo để hoàn thành tốt công tác Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính theo sự phân công của Ban Chỉ đạo tỉnh. Đồng thời cung cấp thông tin có liên quan đến nội dung Tổng điều tra theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo Tổng điều tra tỉnh.

+ Lập danh sách các cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp và có văn bản chỉ đạo các cơ sở trực thuộc chuẩn bị sổ sách, chứng từ để cung cấp thông tin vào các phiếu điều tra do Ban Chỉ đạo tỉnh chuyển giao và hướng dẫn. Gửi báo cáo về thường trực Ban Chỉ đạo (Cục Thống kê và Sở Nội vụ) theo đúng thời gian quy định.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố; cấp xã (phường)

- Thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ thường trực giúp việc BCD đúng thành phần và thời gian quy định, đảm bảo nhân lực, tài lực, tạo điều kiện thuận lợi; tổ chức thực hiện Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính theo phương án của Ban Chỉ đạo Trung ương và kế hoạch Tổng điều tra của Ban Chỉ đạo Tổng điều tra tỉnh.

- Phân công các phòng (ban) tham gia Tổng điều tra theo chức năng, nhiệm vụ, đồng thời phối hợp với Ban Chỉ đạo các cấp kiểm tra đôn đốc cuộc Tổng điều tra tại địa phương.

3. Giám đốc (tổng giám đốc, thủ trưởng) các tổng công ty, các doanh nghiệp Nhà nước, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các đơn vị sự nghiệp (trường học, bệnh viện, nhà văn hóa...) có trách nhiệm chỉ đạo các bộ phận nghiệp vụ liên quan phối hợp với điều tra viên kê khai đầy đủ, chính xác các nội dung yêu cầu của phiếu điều tra và báo cáo đúng thời hạn quy định theo sự hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Tổng điều tra các cấp.

4. Giám đốc các doanh nghiệp ngoài nhà nước (công ty cổ phần, công ty TNHH, hợp tác xã, doanh nghiệp tư nhân) bố trí người làm công tác kế toán kê khai thông tin vào các loại phiếu điều tra đầy đủ, kịp thời theo qui định, đồng thời chịu trách nhiệm về những số liệu đã khai báo, đảm bảo tính chính xác của số liệu.

5. Chủ các cơ sở kinh tế khu vực cá thể cử người nắm được nghiệp vụ và có chuyên môn về lĩnh vực kế toán, thống kê cung cấp cho điều tra viên được cử đến những thông tin theo yêu cầu của các loại phiếu điều tra.

6. Chủ các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin cho điều tra viên được cử đến để thu thập thông tin ghi phiếu.

7. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh truyền hình Đồng Nai, Đài truyền thanh các huyện, TP. Long Khánh, TP. Biên Hòa, Báo Đồng Nai, phối hợp với Ban Chỉ đạo Tổng điều tra các cấp tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, mục đích, yêu cầu, kế hoạch Tổng điều tra trên các phương tiện thông tin đại chúng, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần, cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp và các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng và người dân hiểu rõ mục đích, ý nghĩa để phối hợp với lực lượng điều tra viên kê khai đúng, đầy đủ các nội dung của phiếu điều tra theo yêu cầu.

8. Sở Tài chính xem xét giải quyết, bố trí kinh phí hỗ trợ kịp thời và đầy đủ để phục vụ cho cuộc Tổng điều tra tiến hành thuận lợi, đạt kết quả, thống nhất với Cục Thống kê (cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh) đề xuất xử lý kinh phí phát sinh phục vụ địa phương và bổ sung hỗ trợ trình UBND tỉnh giải quyết theo qui định.

9. Ban Chỉ đạo Tổng điều tra tỉnh phối hợp với Ban Chỉ đạo Trung ương và Tổ Thường trực Tổng điều tra tiến hành khẩn trương các bước chuẩn bị, đảm bảo các điều kiện cần thiết để tiến hành triển khai Tổng điều tra từ ngày 01 tháng 3 năm 2021 đến ngày 30 tháng 07 năm 2021; đảm bảo tiến độ điều tra đúng theo phương án của Ban Chỉ đạo Trung ương. Định kỳ hàng tuần có báo cáo tiến độ kết quả về UBND tỉnh.

10. Chỉ thị này có hiệu lực sau 5 ngày kể từ ngày ký

Đây là cuộc Tổng điều tra 5 năm tiến hành một lần, phạm vi đối tượng điều tra rộng, đa dạng, tiến hành trên cả nước. Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 các cấp, Giám đốc các Sở, ngành; Chủ tịch UBND huyện, TP. Long Khánh, TP. Biên Hòa, giám đốc các doanh nghiệp, chủ các cơ sở kinh tế cá thể và các đối tượng liên quan phải có trách nhiệm

cung cấp thông tin trong cuộc Tổng điều tra này. Tổ chức thực hiện nghiêm túc Quyết định số 307/QĐ-TTg ngày 27 tháng 2 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức Tổng điều tra kinh tế năm 2021 và Quyết định số 1096/QĐ-BNV ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về tổ chức Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 nhằm đảm bảo cho cuộc Tổng điều tra đạt kết quả tốt./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
(Đã ký)

Võ Tấn Đức

QUYẾT ĐỊNH

Thành lập Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2021

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 5 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 307/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức Tổng điều tra kinh tế năm 2021 và Quyết định số 1096/QĐ-BNV ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về tổ chức Điều tra cơ sở hành chính năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 42/2007/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2007 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai tại Tờ trình số 221/TTr-CTK ngày 11/09/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính tỉnh Đồng Nai năm 2021 (gọi tắt là BCĐ) gồm những ông (bà) lãnh đạo đại diện các cơ quan sau:

1. Trưởng ban Ban Chỉ đạo:

Ông Nguyễn Quốc Hùng - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai.

2. Phó Trưởng ban thường trực Ban Chỉ đạo:

Ông Trần Quốc Tuấn - Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai.

3. Phó Trưởng ban:

Ông Nguyễn Thanh Tú - Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Đồng Nai.

4. Thành viên Ban Chỉ đạo:

- Bà Lê Thị Hoa Hồng - Phó Cục trưởng Cục Thống kê - Ủy viên;
- Ông Trần Vũ Hoài Hạ - Phó Giám đốc Sở Kế hoạch & Đầu tư - Ủy viên;
- Ông Lê Kim Bằng - Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Ủy viên;
- Ông Hồ Văn Lộc - Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - Ủy viên;
- Ông Nguyễn Hữu Tài - Phó Giám đốc Sở Y tế - Ủy viên;
- Ông Đỗ Huy Khánh - Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo - Ủy viên;
- Bà Giang Thị Thu Nga - Phó Giám đốc Sở Thông tin & Truyền thông - Ủy viên;
- Ông Nguyễn Toàn Thắng - Phó Cục trưởng Cục thuế Đồng Nai - Ủy viên;
- Bà Dương Thị Xuân Nương - Phó Trưởng ban, Ban quản lý các khu công nghiệp - Ủy viên;
- Ông Đào Văn Tuấn - Phó Giám đốc, Đài Phát thanh & Truyền hình Đồng Nai - Ủy viên;
- Ông Phạm Vũ Hiệu - Phó Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đồng Nai - Ủy viên.

Điều 2. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ tổ chức thực hiện cuộc Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo đúng phương án và hướng dẫn của Ban Chỉ đạo TW và chịu trách nhiệm về kết quả của cuộc Tổng điều tra.

Điều 3. Trách nhiệm và quyền hạn của Trưởng ban Ban Chỉ đạo:

Trưởng ban Ban Chỉ đạo chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về toàn bộ hoạt động của Ban Chỉ đạo, kịp thời báo cáo, đề xuất, tham mưu Chủ tịch UBND xem xét, chỉ đạo, giải quyết những công việc vượt thẩm quyền được giao.

Trưởng ban Ban Chỉ đạo có trách nhiệm ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo và quyết định thành lập Tổ thường trực giúp việc cho Ban Chỉ đạo, Tổ thường trực làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

Điều 4. Trách nhiệm của cơ quan thường trực và các tổ chức có liên quan:

Cục Thống kê Đồng Nai là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo được sử dụng bộ máy và phương tiện của cơ quan để phục vụ nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo. Trường hợp Trưởng ban Ban Chỉ đạo ủy quyền cho Phó Trưởng ban thường trực Ban Chỉ đạo giải quyết các công việc của Ban Chỉ đạo thì được phép sử dụng con dấu của cơ quan thường trực trong phạm vi và quyền hạn được ủy quyền.

Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo có trách nhiệm xây dựng bản Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo, tham mưu thành lập Tổ thường trực giúp việc cho Ban Chỉ đạo sau khi thống nhất với các thành viên của Ban Chỉ đạo và các ngành có liên quan trước khi trình Trưởng ban Ban Chỉ đạo xem xét, quyết định ban hành theo đúng quy định của pháp luật.

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị qui định tại Điều 1 có trách nhiệm cử nhân sự tham gia xuyên suốt Ban Chỉ đạo và thông báo khi có thay đổi nhân sự cho cơ quan thường trực biết trong thời gian 07 ngày làm việc và chịu trách nhiệm về hoạt động của nhân sự được cử tham gia.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Ban Chỉ đạo giải thể sau khi có văn bản báo cáo đã hoàn thành nhiệm vụ được giao với Chủ tịch UBND tỉnh và Sở Nội vụ.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Ban ngành, Cục trưởng Cục Thống kê Đồng Nai, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh; thành phố Biên Hòa, các ông (bà) và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Cao Tiến Dũng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 111/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 08 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Kiện toàn nhân sự Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế
và Điều tra cơ sở hành chính trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2021**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 5 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 307/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức Tổng điều tra kinh tế năm 2021 và Quyết định số 1096/QĐ-BNV ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về tổ chức Điều tra cơ sở hành chính năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 42/2007/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2007 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thống kê Đồng Nai tại Tờ trình số 334/TTr-CTK ngày 21/12/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. KIỆN TOÀN NHÂN SỰ BAN CHỈ ĐẠO TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ VÀ ĐIỀU TRA CƠ SỞ HÀNH CHÍNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2021 CỤ THỂ NHƯ SAU:

Trưởng ban Ban Chỉ đạo: Ông Võ Tấn Đức - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai (thay thế ông Nguyễn Quốc Hùng - Phó Chủ tịch UBND tỉnh).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 3329/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thành lập Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2021. Các nội dung khác của Quyết định số 3329/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Cục trưởng Cục Thống kê; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và ông có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Cao Tiến Dũng

Phần II

QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2021

Tổng điều tra kinh tế là một trong ba cuộc Tổng điều tra thống kê quốc gia được quy định trong Luật Thống kê. Tổng điều tra kinh tế năm 2021 được thực hiện theo Quyết định số 307/QĐ-TTg ngày 27/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức Tổng điều tra kinh tế năm 2021 và Quyết định số 1344/QĐ-BKHĐT ngày 03/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Trưởng ban Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế Trung ương năm 2021 về ban hành Phương án Tổng điều tra kinh tế năm 2021 (viết gọn là Tổng điều tra).

Tổng điều tra kinh tế năm 2021 thu thập thông tin cơ bản về hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD) của 04 nhóm đơn vị điều tra gồm: doanh nghiệp, hợp tác xã; đơn vị sự nghiệp, hiệp hội; cơ sở SXKD cá thể và cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng. Riêng đối với các cơ sở hành chính, tổ chức chính trị - xã hội trên phạm vi tỉnh do Sở Nội vụ chịu trách nhiệm tổ chức thu thập thông tin theo Quyết định số 1096/QĐ-BNV ngày 23/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Tổng điều tra kinh tế năm 2021 được thực hiện với nhiều điểm mới so với Tổng điều tra năm 2017 trong bối cảnh nhu cầu thông tin thống kê ngày càng được yêu cầu cao hơn với mức độ phân tổ chi tiết hơn; yêu cầu tận dụng những lợi thế của công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng, hiệu quả của thông tin thống kê trong bối cảnh còn hạn chế về nguồn lực. *Có 6 điểm mới chủ yếu của Tổng điều tra kinh tế năm 2021 như sau:*

Thứ nhất, đổi mới nội dung và cách thức thu thập thông tin thông qua việc sử dụng triệt để các nguồn dữ liệu hành chính: Tổng điều tra sử dụng triệt để các nguồn dữ liệu hành chính, trong đó có cơ sở dữ liệu của Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) nhằm giảm thiểu các thông tin cần thu thập qua điều tra, đồng thời vẫn đáp ứng được các yêu cầu tăng cao về số lượng và chất lượng thông tin cần thu thập.

Thứ hai, cập nhật và áp dụng khái niệm chuẩn quốc tế về đơn vị cơ sở: Thu thập thông tin của các đơn vị cơ sở để đánh giá kết quả hoạt động chi tiết theo ngành kinh tế cấp 3 và theo địa bàn quản lý hành chính cấp xã.

Thứ ba, thống nhất năm số liệu cho các loại đơn vị điều tra: Các kỳ Tổng điều tra trước đây, năm số liệu của cơ sở SXKD cá thể khác với năm số liệu của các loại đơn vị điều tra còn lại. Kỳ Tổng điều tra lần này, Tổng cục Thống kê đã nỗ lực để có thể thu thập, tổng hợp thông tin năm 2020 của toàn bộ các cơ sở SXKD cá thể, thống nhất năm số liệu với các loại đơn vị điều tra khác (doanh nghiệp; đơn vị sự nghiệp; cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo). Điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể năm 2021 là điều tra chuyên sâu nhằm mô tả tổng thể của năm 2020.

Thứ tư, ứng dụng triệt để công nghệ thông tin trong tất cả các công đoạn của Tổng điều tra từ công tác chuẩn bị, thu thập thông tin, xử lý đến công bố kết quả. Đặc biệt, ứng dụng công nghệ thông tin trong việc xác định, sắp xếp, phân loại các cơ sở kinh tế vào các ngành kinh tế dựa trên sản phẩm chính được sản xuất ra. Các câu hỏi logic và công nghệ nhận dạng đã định vị chuẩn xác cấu trúc đơn vị điều tra, từ đó đưa ra bảng hỏi phù hợp.

Thứ năm, đổi mới cách thức phối hợp với các Bộ, ngành trong triển khai thực hiện Tổng điều tra: Cải tiến cách thức phối hợp trong triển khai thực hiện Tổng điều tra; trong đó, phối hợp với Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) khai thác dữ liệu hành chính để bổ sung nguồn thông tin cho Tổng điều tra; phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính và các cơ quan thông tấn báo chí thực hiện tuyên truyền; phối hợp với Bộ Nội vụ trong triển khai các hội nghị tập huấn và tổ chức thu thập thông tin các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp.

Thứ sáu, nâng cao chất lượng thông tin và tiết kiệm gần một nửa kinh phí so với điều tra truyền thống trước đây: Đổi mới nội dung và hình thức của các phiếu điều tra theo hướng dẫn dắt, tạo thuận lợi nhất cho người trả lời, đồng thời thu được kết quả chuẩn xác nhất. Cụ thể, không đưa ra các câu hỏi ngành thống kê cần phải trả lời, chỉ hỏi các câu hỏi đảm bảo đơn vị điều tra sẽ trả lời được và trả lời đúng. Với mục tiêu làm rõ sản phẩm được sản xuất ra ở đâu (xã, huyện, tỉnh nào); trong loại hình đơn vị nào? nguồn lực sản xuất (lao động, vốn) ra sao?... Từ đó, nhận biết cấu trúc kinh tế của các địa phương đến cấp xã và toàn nền kinh tế. Đồng thời cho thấy rõ hơn việc phân bổ nguồn lực sản xuất theo vùng, miền và theo khu vực kinh tế.

1. Công tác chỉ đạo trong chuẩn bị và thực hiện Tổng điều tra

Để cuộc Tổng điều tra tiến hành thuận lợi, đạt kết quả tốt, Cục Thống kê (cơ quan thường trực BCD tỉnh) đề nghị UBND tỉnh ban hành Chỉ thị về tổ chức thực hiện cuộc Tổng điều tra trên địa bàn tỉnh. Ngày 01/2/2021, Chủ tịch UBND tỉnh đã Ban hành Chỉ thị số 05/CT-UBND: về việc Tổ chức tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2021.

Ngày 22/2/2021, Trưởng BCD tỉnh đã ký Quyết định số 14/BCĐ về việc ban hành quy chế tổ chức, phân công trách nhiệm và quy định cách thức làm việc của các thành viên BCD, Tổ thường trực giúp việc BCD Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính năm 2021. Trưởng BCD cũng đã ký văn bản phân công nhiệm vụ thành viên BCD tỉnh theo nội dung thống nhất tại cuộc họp BCD ngày 22/2/2021 (Văn bản số 23/BCĐ ngày 04/3/2021). Tổ Thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo tỉnh đã tổ chức cuộc họp phân công nhiệm vụ cho các thành viên của tổ để thuận lợi trong quá trình thực hiện (Văn bản số 89/BCĐ ngày 02/3/2021 của BCD TĐT).

BCĐ tỉnh đã hướng các huyện, thành phố thành lập BCD và Tổ thường trực các cấp. Tổng số có 11 BCD cấp huyện, 170 BCD cấp xã, phường, thị trấn với tổng số 1.174 thành viên. Trong quá trình chỉ đạo thực hiện Tổng điều tra, BCD tỉnh đã ban hành 10 thông báo nghiệp vụ và nhiều văn bản gửi BCD địa phương và các đơn vị có liên quan để hướng dẫn thu thập thông tin, kiểm tra, giám sát và nghiệm thu kết quả Tổng điều tra.

2. Công tác tuyên truyền cho cuộc Tổng điều tra

Thực hiện theo hướng dẫn của BCD TW, Ban Chỉ đạo Tổng điều tra cấp tỉnh đã xây dựng kế hoạch công tác tuyên truyền TĐT (Kế hoạch số 72/KH-BCĐ ngày 22/2/2021); hướng dẫn BCD các cấp xây dựng kế hoạch và thực hiện công tác tuyên truyền. Ban Chỉ đạo Tổng điều tra cấp tỉnh, cấp huyện và các xã triển khai tốt công tác tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa và yêu cầu, nội dung cuộc Tổng điều tra kinh tế năm 2021. Các hình thức tuyên truyền đã thực hiện, thời gian, tần suất thực hiện tuyên truyền của Ban Chỉ đạo các cấp như sau:

Ở tỉnh: BCD Tổng điều tra tỉnh phối hợp với Đài Phát thanh truyền hình Đồng Nai, Báo Đồng Nai đưa tin tuyên truyền phục vụ công tác Tổng điều tra, thực hiện phỏng vấn đồng chí Phó Trưởng ban thường trực BCD Tổng điều tra tỉnh về Tổng điều tra kinh tế năm 2021; đưa tin về cuộc họp BCD cấp tỉnh; hội nghị tập huấn cấp tỉnh, thực hiện chuyên đề về Tổng điều tra. Bên cạnh đó, Thường trực BCD Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai kịp thời tuyên truyền trước cơ quan bằng rôn, khẩu hiệu, pano; thực hiện tuyên truyền trên trang web của Cục Thống kê, Cục Thuế tỉnh Đồng Nai; Ban quản lý các KCN; Sở Kế hoạch và Đầu tư (nội dung tuyên truyền gồm: Quyết định, phương án điều tra, các bài viết, trailer, MP3 hỏi đáp, video hướng dẫn phiếu doanh nghiệp...).

Ban Chỉ đạo TĐT tỉnh in ấn và cung cấp kịp thời logo, khẩu hiệu tuyên truyền theo mẫu của BCD Trung ương qui định cho BCD cấp huyện; yêu cầu BCD cấp huyện, thành phố căn cứ trên kinh phí được cấp về công tác tuyên truyền tiến hành in và treo băng rôn về Tổng điều tra ở trụ sở làm việc Chi cục Thống kê. Ban Chỉ đạo cấp tỉnh đã đề nghị UBND tỉnh hỗ trợ thêm kinh phí để in băng rôn treo ở trung tâm huyện, trung tâm xã và ấp, khu phố (đã in và cấp 1.129 băng rôn cho BCD các huyện, xã).

Ở huyện: Ban Chỉ đạo các huyện, thành phố cung cấp khẩu hiệu cho các xã, phối hợp Đài Phát thanh truyền hình các huyện đưa tin và tuyên truyền phục vụ công tác Tổng điều tra, treo băng rôn trước trụ sở cơ quan Chi cục. Đài Phát thanh, truyền hình huyện đã đưa tin về các cuộc họp BCD huyện, các lớp tập huấn cho ĐTV, các buổi phát thanh tại huyện.

Ở xã: Đài truyền thanh các xã, phường phát thanh các bản tin về mục đích, ý nghĩa của cuộc điều tra, thông báo kế hoạch triển khai của Ban Chỉ đạo cấp xã, dán và treo các khẩu hiệu do Ban Chỉ đạo tỉnh cung cấp tại các nơi công cộng để người dân dễ nhìn, dễ thấy. Công tác này triển khai từ đầu tháng 3/2021 và trong suốt quá trình điều tra.

3. Lực lượng tham gia Tổng điều tra và công tác tập huấn

3.1. Lực lượng tham gia Tổng điều tra

Tổng điều tra kinh tế năm 2021 đã trưng tập khoảng 1.429 điều tra viên (ĐTV) bao gồm: 170 ĐTV hỗ trợ thực hiện phiếu doanh nghiệp,

hợp tác xã; 40 ĐTV hỗ trợ thực hiện phiếu sự nghiệp, hiệp hội; 1.219 ĐTV thực hiện phiếu cơ sở SXKD cá thể, tôn giáo.

Tổng số có 166 giám sát viên và 1.174 thành viên BCD các cấp.

3.2. Công tác tập huấn

a. Ở tỉnh:

- Từ ngày 11 đến ngày 13/01/2021, tham dự Hội nghị tập huấn Tổng điều tra trực tiếp và trực tuyến của Trung ương với thành phần gồm: Phó trưởng BCD, Tổ trưởng tổ thường trực, công chức các phòng nghiệp vụ và Chi cục Thống kê huyện, thành phố với nội dung tập huấn nghiệp vụ và công nghệ thông tin điều tra giai đoạn 1 (điều tra khối doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, hiệp hội).

- Từ ngày 23 đến ngày 26/2/2021, thường trực BCD tỉnh tổ chức 2 lớp tập huấn nghiệp vụ điều tra khối doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp cho Tổ thường trực cấp tỉnh, điều tra viên cấp tỉnh, giám sát viên cấp tỉnh, đại diện BCD Tổng điều tra các huyện, thành phố; giảng viên cấp huyện với 82 người (do tập huấn trong thời điểm phòng chống dịch Covid-19 nên không được tổ chức quá 30 đại biểu, do đó phải chia thành 2 lớp).

- BCD tỉnh đã có Văn bản số 209/BCD-TĐT ngày 11/6/2021 về việc hướng dẫn BCD các huyện, thành phố tổ chức tập huấn nghiệp vụ và phần mềm phiếu cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng cho BCD cấp huyện, tổ thường trực cấp huyện, BCD xã, giám sát viên, điều tra viên điều tra ở giai đoạn 2. Đối với cấp tỉnh, BCD tỉnh đã kết hợp hội nghị trực tuyến do Trung ương tổ chức ngày 8/6/2021 tập huấn nghiệp vụ điều tra giai đoạn 2 (điều tra cơ sở SXKD cá thể, tôn giáo, tín ngưỡng), ngoài thành phần tham dự là BCD, tổ thường trực giúp việc cấp tỉnh, bổ sung thêm thành phần tập huấn đến cấp huyện gồm: đại diện BCD cấp huyện, tổ thường trực và giảng viên cấp huyện tham dự lớp tập huấn nghiệp vụ và phần mềm phiếu cơ sở SX kinh doanh cá thể; tôn giáo tín ngưỡng (những Chi cục có trực tuyến sẽ tham dự tại huyện, còn lại mời lên cơ quan Cục Thống kê).

b. Ở huyện:

- Từ ngày 25/2 đến ngày 28/2/2021, các huyện, thành phố tập huấn nghiệp vụ và công nghệ thông tin phiếu doanh nghiệp, phiếu sự nghiệp, hiệp hội cho Ban Chỉ đạo, tổ thường trực, giám sát viên, BCD cấp xã và điều tra viên theo qui định của BCD TW. Tổ chức 14 lớp tập huấn với 533 người tham gia.

- Từ ngày 22/6 đến ngày 28/6, các huyện, thành phố tổ chức tập huấn nghiệp vụ và công nghệ thông tin điều tra giai đoạn 2 cho các điều tra viên, giám sát viên với tổng số là 45 lớp; 1.391 người tham gia. Nhìn chung công tác tập huấn thực hiện đúng theo qui định và đảm bảo chất lượng; đội ngũ giảng viên có trách nhiệm và nghiên cứu kỹ tài liệu để truyền đạt nghiệp vụ điều tra, hướng dẫn, hỗ trợ điều tra viên cài đặt và thực hành trên máy điện thoại về phần mềm điều tra; thực hiện tốt công tác hậu cần, cơ sở vật chất để tổ chức lớp tập huấn; tài liệu đầy đủ; điều tra viên tham dự tập huấn đầy đủ và nghiêm túc... tuy nhiên, do thời điểm tập huấn của cấp huyện cho BCD và ĐTV xã, phường cuối tháng 6 phát sinh dịch Covid-19 khá phức tạp ở các địa phương trong tỉnh nên việc tổ chức tập huấn gặp khó khăn, phải chia ra nhiều lớp với số lượng điều tra viên không quá 20 người nên thời gian tập huấn kéo dài.

4. Công tác thu thập thông tin và giám sát

4.1. Phiếu điều tra và phương pháp thu thập thông tin

Tổng cục Thống kê đã chi tiết hóa nội dung của Tổng điều tra áp dụng đối với 04 nhóm đơn vị điều tra cụ thể trong 22 phiếu điều tra:

- Phiếu điều tra áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và văn phòng đại diện của các thương nhân nước ngoài tại Việt Nam: 17 phiếu.

- Phiếu điều tra áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp, tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp, tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam: 02 phiếu.

- Phiếu điều tra áp dụng đối với cơ sở SXKD cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản: 02 phiếu.

- Phiếu điều tra áp dụng đối với cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng: 01 phiếu.

Tổng điều tra áp dụng đồng thời phương pháp điều tra gián tiếp và điều tra trực tiếp trong công tác thu thập thông tin:

(i) Phương pháp điều tra gián tiếp áp dụng đối với doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp. Phiếu điều tra điện tử (trực tuyến - Webform) được xây dựng và thực hiện trên Trang thông tin điện tử của Tổng điều tra để các đơn vị điều tra tự kê khai thông tin với sự hỗ trợ của điều tra viên thống kê.

(ii) Phương pháp điều tra trực tiếp áp dụng đối với các cơ sở SXKD cá thể và cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng. Phiếu điều tra điện tử được xây dựng và cài đặt trên thiết bị di động của điều tra viên (CAPI) để thực hiện phỏng vấn trực tiếp đơn vị điều tra.

4.2. Công tác thu thập thông tin

Theo kế hoạch, Tổng điều tra thực hiện thu thập thông tin trong hai giai đoạn. Giai đoạn 1 từ ngày 01/3 đến ngày 30/5/2021: thực hiện thu thập thông tin của các doanh nghiệp, hợp tác xã và các đơn vị sự nghiệp, hiệp hội. Đồng Nai là tỉnh có số lượng doanh nghiệp, HTX lớn (trên 8.000 doanh nghiệp) nên thực hiện thu thập thông tin đến hết tháng 8/2021. Giai đoạn 2 từ ngày 01/7 đến ngày 30/7/2021, thực hiện thu thập thông tin của các cơ sở SXKD cá thể và các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng.

Tổng điều tra trên địa bàn tỉnh đã hoàn thành thu thập thông tin của:

(i) 27.661/27.502 doanh nghiệp (đạt 100,57%). Trong đó, số doanh nghiệp thực tế đang hoạt động có kết quả SXKD là 19.409 doanh nghiệp; số hợp tác xã là 305 HTX;

(ii) 1.043/1.082 đơn vị sự nghiệp (đạt 99,7%);

(iii) 89/89 đơn vị hiệp hội (đạt 100%).

Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, từ tháng 6/2021, công tác thu thập thông tin đã bị ảnh hưởng nghiêm trọng; toàn tỉnh phải tạm dừng thu thập thông tin để phòng, chống dịch Covid-19. Theo Phương án Tổng điều tra, thu thập thông tin giai đoạn 2 đối với các cơ sở SXKD cá thể, tôn giáo, tín ngưỡng được thực hiện từ ngày 01 - 30/7/2021. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, công tác thu thập thông tin giai đoạn 2 đã phải gia hạn và hoàn thành vào ngày 30/11/2021. Có 155.480 cơ sở

SXKD cá thể được thu thập thông tin (đạt 98,01%), khoảng 3.153 cơ sở hiện đã ngừng kinh doanh hoặc không còn tại địa phương hoặc không thể liên lạc được - tương đương 1,99% tổng số cơ sở khi lập bảng kê.

Tổng điều tra đã hoàn thành thu thập thông tin của 1.283/1.287 cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng (đạt 99,69%), có 4 cơ sở không thu thập thông tin do không thuộc đối tượng điều tra hoặc trùng danh sách khi lập bảng kê (chiếm 0,31%).

4.3. Công tác giám sát

Ban Chỉ đạo Tổng điều tra tỉnh phối hợp với thanh tra Cục Thống kê lập Kế hoạch số 103/KH-BCĐ thực hiện công tác kiểm tra, giám sát cuộc Tổng điều tra trên địa bàn tỉnh. Thời gian triển khai giám sát, kiểm tra bắt đầu từ ngày 01/3 đến 30/7/2021 với lực lượng tham gia giám sát chủ yếu là thành viên Tổ thường trực các cấp;

Tổng điều tra thu thập thông tin bằng Webform và CAPI nên công tác kiểm tra giám sát được thực hiện song song với công tác thu thập thông tin; kết hợp hai hình thức giám sát trực tuyến (online) và giám sát trực tiếp tại thực địa. Nội dung kiểm tra, giám sát tập trung vào quy trình thực hiện Tổng điều tra và thống nhất về chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao chất lượng thông tin; giám sát về tiến độ thực hiện. Đã tổ chức các đợt giám sát tại địa bàn, đợt 1 từ ngày 25/2/2021 đến 28/2/2021 đối với công tác tập huấn và đợt 2 từ ngày 3/4/2021 đến 25/4/2021; đợt 3 từ ngày 01/7 đến 8/7/2021 đối với công tác thu thập thông tin. Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên công tác kiểm tra, giám sát Tổng điều tra giai đoạn 2 được thực hiện chủ yếu bằng hình thức trực tuyến trên trang điều hành tác nghiệp Tổng điều tra (thông qua các công cụ kiểm tra lỗi logic, tra cứu dữ liệu, xem nội dung phiếu...).

5. Công tác kiểm tra, làm sạch và nghiệm thu dữ liệu điều tra

Công tác kiểm tra, làm sạch dữ liệu được thực hiện song song cùng với quá trình thu thập số liệu tại các địa bàn theo quy trình thống nhất.

Đối với phiếu doanh nghiệp, công tác kiểm tra, làm sạch được thực hiện theo 3 giai đoạn sau: (i) Giai đoạn 1: Kiểm tra các chỉ tiêu cơ bản.

Quá trình này được tiến hành song song với việc thu thập thông tin của các huyện, thành phố, nhằm sớm phát hiện những lỗi, sai sót để điều tra viên thông báo lại doanh nghiệp thực hiện kiểm tra, điều chỉnh và hoàn thiện; (ii) *Giai đoạn 2*: So sánh, đối chiếu dữ liệu thu được với các nguồn dữ liệu có liên quan. Giai đoạn này kiểm tra về chất lượng các chỉ tiêu thu được từ điều tra với nguồn dữ liệu liên quan là báo cáo tài chính của cơ quan thuế và dữ liệu điều tra các năm trước, kết quả kiểm tra được tổng hợp và thông báo cho điều tra viên và doanh nghiệp để kiểm tra, hoàn thiện dữ liệu; (iii) *Giai đoạn 3*: Kiểm tra chuyên sâu theo các chuyên đề từ tổng hợp các nguồn dữ liệu để khẳng định kết quả Tổng điều tra. Kiểm tra quan hệ tương quan giữa các chỉ tiêu tổng hợp theo chuyên ngành, chuyên đề, các hệ số suy rộng... Kết quả kiểm tra được thông báo tới điều tra viên và các doanh nghiệp để khẳng định số liệu.

Đối với phiếu đơn vị sự nghiệp, hiệp hội; phiếu cơ sở SXKD cá thể; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng: Lực lượng giám sát viên các cấp sử dụng các công cụ tra cứu dữ liệu; thống kê tần suất; kiểm tra lo-gic, xem nội dung phiếu để triển khai soát xét, kiểm tra lại số liệu từng khối trên hệ thống quản lý, điều hành của Tổng điều tra, đồng thời kiểm tra trực tiếp trên dữ liệu vi mô, so sánh với kỳ trước, kết quả kiểm tra được thông báo tới BCĐ các cấp và điều tra viên để xác minh và hoàn thiện dữ liệu điều tra. Công tác kiểm tra, làm sạch dữ liệu được tập trung vào một số thông tin quan trọng trên phiếu điều tra ở giai đoạn đầu (như ngành sản phẩm, lao động của đơn vị/cơ sở) và giai đoạn sau khi kiểm tra các nội dung điều tra chuyên sâu.

Công tác nghiệm thu kết quả Tổng điều tra được thực hiện ở tất cả BCĐ các cấp (BCĐ cấp trên nghiệm thu đối với BCĐ cấp dưới). Công tác nghiệm thu được thực hiện thống nhất theo Hướng dẫn số 172/HD-TCTK ngày 13/8/2021 của Tổng cục Thống kê về quy trình nghiệm thu và bàn giao tài liệu Tổng điều tra và Công văn số 158/TTDL-TTQL ngày 30/8/2021 của Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, TCTK về việc bổ sung hướng dẫn chi tiết Hướng dẫn số 172/HD-TCTK và các văn bản liên quan. Việc nghiệm thu đã góp phần

đánh giá công tác tổ chức triển khai thu thập thông tin trong Tổng điều tra của BCD các cấp; xác nhận đúng, đủ số lượng, bảo đảm chất lượng thông tin thu thập từng loại phiếu điều tra; làm căn cứ cho việc thanh, quyết toán kinh phí.

6. Hoàn thành ấn phẩm và kế hoạch công bố kết quả Tổng điều tra kinh tế năm 2021

BCĐ Tổng điều tra tỉnh tiến hành biên soạn số liệu chính thức, đánh giá, phân tích kết quả Tổng điều tra, công bố chính thức số liệu Tổng điều tra trong năm 2022 để các Sở, Ban, Ngành trong tỉnh sử dụng. Một số chỉ tiêu quan trọng phải tính toán và công bố đến cấp huyện, thành phố để các địa phương sử dụng số liệu cho yêu cầu của địa phương trong chỉ đạo điều hành.

Dự kiến kế hoạch công bố kết quả chính thức: Sau khi Tổng cục Thống kê công bố kết quả chính thức qua các ấn phẩm trong tháng 6/2022.

Phần III

KẾT QUẢ SƠ BỘ

TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2021

I. TỔNG QUAN CHUNG

Đơn vị điều tra trong Tổng điều tra kinh tế năm 2021 do Tổng cục Thống kê thực hiện bao gồm 04 loại:

- (1) Doanh nghiệp, hợp tác xã;
- (2) Cơ sở SXKD cá thể;
- (3) Đơn vị sự nghiệp, hiệp hội;
- (4) Cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng.

Đơn vị điều tra là cơ quan hành chính, Đảng, đoàn thể do Sở Nội vụ chủ trì thu thập, tổng hợp thông tin được đề cập trong báo cáo riêng.

Dưới đây là một số thông tin về số lượng đơn vị và lao động của các loại đơn vị điều tra đang hoạt động và có kết quả sản xuất kinh doanh.

1. Khái quát về số lượng và lao động của các đơn vị điều tra

Số lượng và lao động của các đơn vị điều tra năm 2021 đều tăng so với năm 2017, tuy nhiên mức độ tăng về lao động thấp hơn so với các giai đoạn trước.

Theo kết quả Tổng điều tra năm 2021, tổng số lượng của 04 loại đơn vị điều tra do Cục Thống kê thực hiện có 178.744 đơn vị, tăng 8,92% (tăng 8.853 đơn vị) so với Tổng điều tra năm 2017. Bình quân mỗi năm giai đoạn 2016-2020, số lượng đơn vị tăng 1,28%/năm. Số lượng lao động trong các đơn vị điều tra năm 2020 là 1.196.873 người, tăng 4,55% (tăng 56.953 người) so với năm 2016. Bình quân mỗi năm giai đoạn 2016-2020, số lượng lao động tăng 1,23%/năm.

Số lượng doanh nghiệp, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng duy trì mức tăng trưởng; các cơ sở SXKD cá thể, đơn vị sự nghiệp, hiệp hội, tổ chức phi chính phủ có dấu hiệu chững lại trong 5 năm qua.

Biểu 1. Số lượng và lao động của các đơn vị điều tra

	Số đơn vị (Đơn vị)	Lao động (Người)	% tăng/giảm so với TĐT 2017		% tăng/giảm BQ năm giai đoạn 2017 - 2020	
			Số đơn vị	Lao động	Số đơn vị	Lao động
TỔNG SỐ	178.744	1.196.873	8,92	4,55	1,28	1,23
1. Doanh nghiệp	19.409	864.323	47,80	5,00	10,48	1,25
2. Hợp tác xã	305	3.910	21,50	-17,56	5,53	-4,58
3. Cơ sở SXKD cá thể	156.599	257.461	1,74	3,93	0,43	0,97
4. Đơn vị sự nghiệp, hiệp hội, tổ chức phi chính phủ	1.148	64.068	-17,88	5,19	-5,16	1,28
5. Cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng	1.283	7.111	6,03	-14,62	1,48	-5,27

Doanh nghiệp tăng cả về số lượng và lao động; trong đó, số doanh nghiệp có mức tăng cao nhất trong các loại đơn vị điều tra.

Tính đến 31/12/2020, toàn tỉnh có 19.409 doanh nghiệp thực tế đang hoạt động có kết quả SXKD, tăng 47,80% (tăng 6.028 doanh nghiệp) so với TĐT năm 2017. Giai đoạn 2016-2020, bình quân mỗi năm số doanh nghiệp tăng 10,48%. Tuy nhiên, mức tăng này vẫn thấp hơn mức tăng 10,56% bình quân năm của giai đoạn 2011-2016.

Trong năm 2020, các doanh nghiệp thu hút 864.323 lao động, tăng 5% so với năm 2016. Bình quân mỗi năm trong giai đoạn 2016-2020, số lao động tăng 1,25%, thấp hơn mức tăng 5,76%/năm của giai đoạn 2011-2016.

Hợp tác xã có mức tăng cao về số lượng đơn vị nhưng giảm mạnh về số lao động.

Năm 2020, toàn tỉnh có 305 hợp tác xã, tăng 21,5% (tăng 54 đơn vị) so với năm 2016; thu hút 3.910 lao động, giảm 17,56% (giảm 833 lao động) so với năm 2016. Số lượng các hợp tác xã thuộc ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng chủ yếu với 50,16%, giảm 2,84 điểm phần trăm so với năm 2016 (năm 2016 là 53%); ngành công nghiệp và xây dựng chiếm tỷ trọng 31,8%, giảm 2,86 điểm phần trăm (năm 2016 là 34,66%); ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 18,04%, tăng 5,69 điểm phần trăm so với năm 2016 (năm 2016 là 12,35%).

Bình quân giai đoạn 2016-2020, mỗi năm số lượng HTX tăng 5,53%; nhưng số lao động trong các HTX lại giảm 4,58%, trong khi mức tăng bình quân lao động của HTX giai đoạn 2011-2016 là 3,34%/năm, qua đây cho thấy xu hướng lao động trong HTX trên địa bàn giảm qua các năm.

Cơ sở SXKD cá thể tăng cả về số đơn vị và số lao động nhưng thấp hơn nhiều so với các giai đoạn trước đây.

Thời điểm 01/7/2021, toàn tỉnh có 156.599 cơ sở SXKD cá thể, tăng 1,74% (tăng 2,68 nghìn cơ sở) so với Tổng điều tra năm 2017; thu hút trên 257,46 nghìn lao động, tăng 3,93% (tăng 9,74 nghìn lao động) so với năm 2017. Bình quân hàng năm giai đoạn 2017-2021, số cơ sở tăng 0,43% và số lao động tăng 0,97%, thấp hơn nhiều so với mức tăng của giai đoạn 2012-2017 lần lượt là 3,72% và 3,69%.

Theo kết quả Tổng điều tra năm 2021, mặc dù tỷ trọng số lượng cơ sở SXKD cá thể khá cao, chiếm tới 87,61% trong tổng số đơn vị điều tra nhưng tổng số lao động của cơ sở SXKD cá thể chỉ chiếm 21,51%. Lý do, các cơ sở SXKD cá thể thường có quy mô lao động rất nhỏ (từ 1,5 đến 1,6 lao động/cơ sở), tình trạng này đã thể hiện ở các kỳ Tổng điều tra trước.

Đơn vị sự nghiệp có sự sụt giảm về số lượng đơn vị so với Tổng điều tra năm 2017 (đặc biệt lĩnh vực y tế giảm mạnh do thay đổi phạm vi thu thập thông tin¹).

Tổng số lượng đơn vị sự nghiệp tại thời điểm 31/12/2020 là 1.059 đơn vị, giảm 19,1% (giảm 230 đơn vị) so với thời điểm 31/12/2016; thu hút 63.682 lao động, tăng 5,23% (tăng 3.330 lao động). Bình quân hằng năm trong giai đoạn 2016-2020, số lượng đơn vị sự nghiệp giảm 5,16% và số lượng lao động giảm 1,28%;

Theo kết quả Tổng điều tra, tại thời điểm 30/12/2020, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có 89 đơn vị hiệp hội đang hoạt động, bằng với số lượng đơn vị năm 2016. Số lao động có đến 31/12/2020 là 386 người, so với năm 2016 tăng 2,66% (+10 người).

Cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng duy trì đà tăng trưởng cả về số lượng cơ sở và lao động, tuy nhiên tốc độ tăng có xu hướng trái ngược nhau.

Tính đến thời điểm 31/12/2020, toàn tỉnh có 1.283 cơ sở thuộc các tôn giáo, tín ngưỡng khác nhau, tăng 6,03% so với năm 2017; bình quân giai đoạn 2017-2021 tăng 1,48%/năm

Theo kết quả Tổng điều tra năm 2021, toàn tỉnh có 7.111 lao động thuộc các tôn giáo, tín ngưỡng khác nhau, giảm 14,62% so với năm 2017; bình quân giai đoạn 2017-2021 giảm 3,88%/năm; lao động bình quân 1 cơ sở năm 2021 đạt 5,5 lao động, giảm 19,48% so với năm 2017; bình quân giai đoạn 2017-2021 giảm 5,27%/năm.

2. Quy mô lao động bình quân một đơn vị điều tra

Quy mô lao động bình quân một đơn vị điều tra năm 2021 biến động không đều so với năm 2017, trong đó giảm mạnh ở khối doanh nghiệp.

¹ Các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực y tế có sự thay đổi về đối tượng thu thập thông tin: Tổng điều tra kinh tế năm 2021 là trung tâm y tế; Tổng điều tra kinh tế năm 2017 là trạm y tế.

Lao động bình quân trong một đơn vị điều tra giảm không đáng kể, từ 6,71 người kỳ Tổng điều tra năm 2017 xuống 6,7 người kỳ Tổng điều tra năm 2021.

Khu vực doanh nghiệp giảm đáng kể, từ 62,67 người xuống 44,53 người (doanh nghiệp nhà nước giảm từ 306 người xuống 272 người; doanh nghiệp ngoài nhà nước giảm từ 21 người xuống 14 người; doanh nghiệp FDI giảm mạnh từ 541 người xuống 489 người).

Lao động bình quân trong một hợp tác xã giảm từ 19 người năm 2016 xuống 13 người năm 2020.

Các cơ sở SXKD cá thể năm 2020 tăng nhẹ về quy mô lao động trên một cơ sở so với năm 2016, tương ứng là 1,61 và 1,64 người.

Trái ngược với các đơn vị điều tra khác, các đơn vị sự nghiệp, hiệp hội lại có biến động lao động bình quân tăng so với năm 2016. Cụ thể: lao động bình quân trên 1 đơn vị sự nghiệp năm 2020 là 41 người, tăng 15 người so với năm 2016;

Đơn vị tôn giáo, tín ngưỡng năm 2020 lao động bình quân là 5,54 người, giảm 1,34 người so với năm 2016.

Xét theo khu vực kinh tế, lao động bình quân trên một đơn vị điều tra giảm ở tất cả các khu vực; khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ không biến động lớn, tuy nhiên khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm mạnh với mức 11,89% so với năm 2016.

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản là khu vực có số lượng lao động thấp nhất (chỉ chiếm 0,75% tổng số lao động của các đơn vị điều tra do chủ yếu là lao động trong các doanh nghiệp nông, lâm nghiệp thủy sản). Tuy nhiên, lao động bình quân trên một đơn vị lại cao nhất trong ba khu vực và đạt 43 người/1 đơn vị (năm 2016 là 81 người/1 đơn vị); khu vực dịch vụ có số lượng lao động lớn thứ hai (chiếm 34,25%), tuy nhiên quy mô lao động chỉ đạt khoảng 2,6 người/1 đơn vị (năm 2016 là 2,54 người/đơn vị); khu vực công nghiệp - xây dựng có số lượng lao động lớn nhất (chiếm 65%), quy mô lao động bình quân đạt khoảng 37,24 người/1 đơn vị (năm 2016 là 39,94 người/1 đơn vị);

3. Mức độ tập trung đơn vị điều tra theo địa phương và khu vực kinh tế

Các đơn vị điều tra và số lao động tập trung nhiều nhất tại TP. Biên Hòa, huyện Trảng Bom, huyện Xuân Lộc, huyện Long Thành, ít nhất là huyện Vĩnh Cửu; trong đó, thành phố Biên Hòa vẫn là địa phương dẫn đầu thu hút nhiều doanh nghiệp nhất cả tỉnh.

Thành phố Biên Hòa có số lượng đơn vị điều tra nhiều nhất với 62.164 đơn vị, chiếm 34,78%; đứng thứ hai là huyện Trảng Bom với 20.522 đơn vị, chiếm 11,48%; đứng thứ ba là huyện Xuân Lộc với 14.283 đơn vị, chiếm 7,99%; tiếp theo là huyện Long Thành với 12.706 đơn vị, chiếm 7,11%; huyện Nhơn Trạch với 12.304 đơn vị, chiếm 6,88%; thành phố Long Khánh và huyện Định Quán, huyện Tân Phú có số lượng đơn vị điều tra lần lượt là 11.034 đơn vị, 11.353 đơn vị và 10.127 đơn vị. Các địa phương còn lại như Vĩnh Cửu, Thống Nhất, Cẩm Mỹ có số lượng đơn vị điều tra ít và chiếm tỷ lệ nhỏ.

Lao động tập trung nhiều nhất tại TP. Biên Hòa với 496.789 lao động, chiếm 41,51% tổng số lao động trong các đơn vị điều tra; thu hút lao động nhiều thứ hai là huyện Trảng Bom với 174.254 lao động, chiếm 14,56%; tiếp theo là huyện Nhơn Trạch với 142.447 lao động, chiếm 11,9%. Huyện Cẩm Mỹ là địa phương có số lao động ít nhất với 18.803 lao động, chiếm 1,57%...

Trong tổng số 19.409 doanh nghiệp thì thành phố Biên Hòa thu hút tới 11.665 doanh nghiệp, chiếm 60,1%; huyện Long Thành đứng thứ hai với 1.914 doanh nghiệp, chiếm 9,86%; tiếp theo là huyện Trảng Bom với 1.713 doanh nghiệp, chiếm 8,8%; thấp nhất là huyện Cẩm Mỹ với 182 doanh nghiệp và chỉ chiếm 0,94% số lượng doanh nghiệp cả tỉnh.

Khu vực dịch vụ vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất về số lượng đơn vị và lao động trong ba khu vực kinh tế.

Trong tổng số 178.744 đơn vị điều tra năm 2021, khu vực dịch vụ thu hút 157.644 đơn vị, chiếm 88,19% (năm 2017 là 88,95%), tăng 6.534

đơn vị (tương đương 4,32%) so với Tổng điều tra năm 2017. Bình quân hàng năm giai đoạn 2017-2021 số đơn vị khu vực dịch vụ tăng 1,06%/năm.

Khu vực công nghiệp, xây dựng thu hút 20.890 đơn vị, chiếm 11,69% (năm 2017 là 10,98%), tăng 2.237 đơn vị (tương đương 11,99%) so với năm 2017. Bình quân hàng năm số đơn vị khu vực công nghiệp, xây dựng tăng 2,87% trong giai đoạn 2017-2021.

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có số lượng đơn vị thấp nhất, với 210 đơn vị và chỉ chiếm khoảng 0,12% (năm 2017 là 0,07%), tăng 83 đơn vị (tương đương tăng 65,35%) so với năm 2017, bình quân giai đoạn 2017-2021 tăng 13,4%/năm.

Về lao động, khu vực dịch vụ thu hút 409.819 lao động, chiếm 35,25%, tăng 6,88% so với năm 2017, bình quân tăng 1,68%/năm trong giai đoạn 2017-2021.

Khu vực công nghiệp - xây dựng thu hút 778.021 lao động, chiếm 65%, tăng 4,42% so với năm 2017, bình quân hàng năm tăng 1,09% trong giai đoạn 2017-2021.

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản thu hút 9.033 lao động, chiếm 0,75%, giảm 11,89% so với năm 2017, bình quân hàng năm giai đoạn 2017-2021 giảm 3,12%.

II. DOANH NGHIỆP VÀ HỢP TÁC XÃ

1. Doanh nghiệp

Số lượng doanh nghiệp tăng nhanh qua từng năm trong giai đoạn 2016-2019, tuy nhiên có xu hướng tăng chậm lại vào năm 2020 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19.

Tính đến thời điểm 31/12/2020, tỉnh Đồng Nai có 19.409 doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng 1,36% so với năm 2019. Đây là năm có mức tăng thấp nhất trong cả giai đoạn 2016-2020. Do ảnh hưởng nghiêm trọng từ đại dịch Covid-19 làm đứt gãy trong chuỗi cung ứng toàn cầu, kinh tế Việt Nam nói chung và kinh tế

tỉnh Đồng Nai nói riêng gặp nhiều khó khăn. Hệ lụy của đại dịch đã kéo theo sự suy giảm tốc độ tăng số lượng doanh nghiệp và sự sụt giảm mạnh mẽ lao động làm việc trong các doanh nghiệp. So với cùng thời điểm năm 2016, số lượng doanh nghiệp tăng 47,82%, với tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 10,48%/năm. Nếu tính riêng giai đoạn 2016-2019 khi chưa có dịch Covid-19, tốc độ tăng doanh nghiệp bình quân mỗi năm đạt 13,53%, với tốc độ tăng các năm 2017, 2018 và 2019 lần lượt là 10,09%; 21,05% và 9,44%. Tuy nhiên, năm 2020 chỉ tăng 1,36% so với năm 2019, do năm 2020 tăng thấp đã ảnh hưởng đến mức tăng bình quân cả giai đoạn 2016-2020.

Số lượng doanh nghiệp ngoài nhà nước và FDI tăng, ngược lại doanh nghiệp nhà nước giảm.

Theo loại hình doanh nghiệp, tại thời điểm 31/12/2020, khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước tập trung nhiều doanh nghiệp nhất, với 18.156 doanh nghiệp, chiếm 93,54% tổng số doanh nghiệp, tăng 1,22% so với năm 2019 và tăng 50,62% so với năm 2016, đây là khu vực có tốc độ tăng số doanh nghiệp nhanh nhất trong ba khu vực.

Số lượng doanh nghiệp FDI là 1.215 doanh nghiệp, chiếm 6,26% tổng số doanh nghiệp, tăng 4,83% so với năm 2019 và tăng 21,99% so với năm 2016.

Do chủ trương cổ phần hóa, sắp xếp lại của Nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước liên tục giảm trong giai đoạn này. Tính đến 31/12/2020, tổng số doanh nghiệp nhà nước chỉ còn 38 doanh nghiệp, chiếm 0,2% tổng số doanh nghiệp, giảm 52,5% so với năm 2016.

Giai đoạn 2016-2020, khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng bình quân 11,06%/năm (1.570 doanh nghiệp/năm). Khu vực doanh nghiệp FDI tăng bình quân 5,22%/năm (55 doanh nghiệp/năm). Tiến trình cổ phần hóa, sắp xếp lại khu vực doanh nghiệp nhà nước diễn ra tương đối chậm, với tốc độ giảm bình quân mỗi năm là 16,7%, tương đương với giảm 11 doanh nghiệp mỗi năm.

Các doanh nghiệp thuộc khu vực dịch vụ luôn có số lượng lớn nhất. Tại thời điểm 31/12/2020, số doanh nghiệp dịch vụ đạt 10.986 doanh nghiệp, chiếm 56,6% trong tổng số doanh nghiệp, tăng 1,68% so với cùng thời điểm năm 2019 và tăng 41,66% so với cùng thời điểm năm 2016.

Khu vực công nghiệp, xây dựng luôn đóng vai trò động lực tăng trưởng của nền kinh tế với số lượng doanh nghiệp đạt 8.268 doanh nghiệp năm 2020, chiếm tỷ trọng 42,6%, tăng 1,85% so với năm 2019 và tăng 56,35% so với năm 2016.

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có số lượng doanh nghiệp thấp nhất, năm 2020 đạt 155 doanh nghiệp, chiếm tỷ trọng 0,8%, giảm 31,42% so với năm 2019 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, nhưng tăng tới 78,16% so với năm 2016, đây là khu vực có mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2016-2020.

Số lượng lao động làm việc trong các doanh nghiệp tăng nhanh qua các năm trong giai đoạn 2016-2019, có xu hướng giảm lại vào năm 2020 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19.

Số lượng doanh nghiệp giai đoạn 2016-2019 không ngừng tăng lên đã góp phần tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động. Giai đoạn này đã thu hút được thêm 41.465 lao động, nâng tổng số lao động làm việc trong doanh nghiệp lên 872.120 người, với tốc độ tăng bình quân 1,96%/năm. Bước sang năm 2020, dịch bệnh Covid-19 đã phủ một màu sắc u ám xuống toàn bộ nền kinh tế, lần đầu tiên trong nhiều năm trở lại đây, xu hướng sụt giảm lao động diễn ra, số lượng lao động giảm xuống còn 864.323 người, giảm 0,89% so với năm 2019, làm giảm tốc độ tăng bình quân của cả giai đoạn 2016-2020 xuống còn 1,25%/năm. Trong giai đoạn 2016-2020, tốc độ tăng lao động luôn thấp hơn tốc độ tăng số lượng doanh nghiệp cho thấy một thực tại là các doanh nghiệp có số lao động bình quân ngày càng giảm, số lượng các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ tăng nhanh hơn so với số lượng các doanh nghiệp vừa và lớn; mặt khác, chủ trương của tỉnh Đồng Nai trong thời gian qua hạn chế thu hút

các dự án đầu tư chủ yếu bằng hình thức gia công, thu hút nhiều lao động, ít thân thiện với môi trường, ưu tiên thu hút các dự án ít sử dụng lao động, công nghệ cao, giá trị gia tăng cao... do đó, xu hướng lao động bình quân trên 1 DN giảm là phù hợp với xu hướng chung.

Số lượng lao động làm việc trong doanh nghiệp ngoài nhà nước và FDI có xu hướng tăng; ngược lại, lao động làm việc trong doanh nghiệp nhà nước giảm với tốc độ chậm.

Theo loại hình doanh nghiệp, tại thời điểm 31/12/2020, khu vực doanh nghiệp nhà nước thu hút 10.345 lao động, chiếm 1,2% lao động của toàn bộ khu vực doanh nghiệp, giảm 8,72% so với năm 2019 và giảm 57,79% so với năm 2016.

Khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước thu hút 260.064 lao động, chiếm 30,09% trong tổng số lao động khu vực doanh nghiệp; giảm 3,19% so với năm 2019 và tăng 0,38% so với năm 2016.

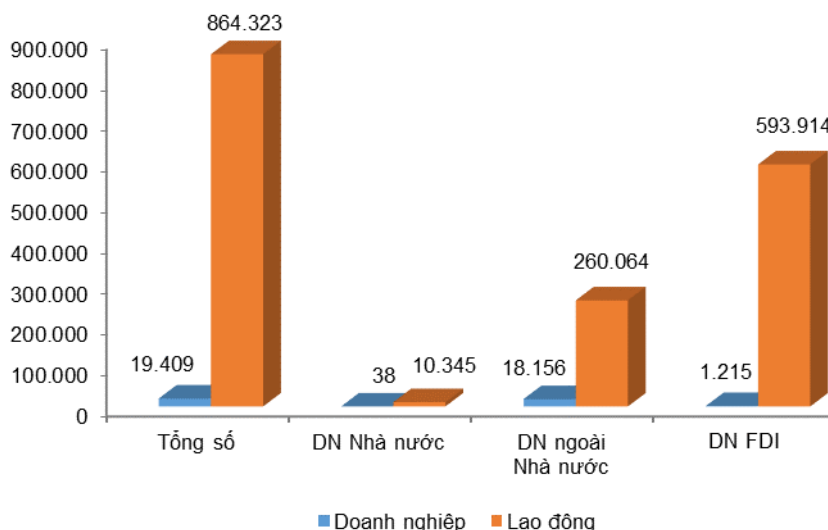
Trong khi đó, trái ngược với 2 khu vực trên, khu vực doanh nghiệp FDI vẫn đang cho thấy những tín hiệu tích cực khi thu hút 593.914 lao động và chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong tổng số việc làm tạo ra tại khu vực doanh nghiệp với tỷ trọng 68,71%, tăng 0,3% so với năm 2019 và tăng 10,13% so với năm 2016.

Giai đoạn 2016-2020, khu vực doanh nghiệp nhà nước giảm bình quân 3.540 lao động mỗi năm, với tốc độ giảm bình quân 18,94%/năm. Khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước mỗi năm thu hút bình quân 244 lao động, có xu hướng tăng đều qua các năm trong giai đoạn 2016-2019, nhưng do giảm mạnh vào năm 2020 đã khiến cho giai đoạn 2016-2020 tăng nhẹ bình quân 0,11%/năm. Khu vực doanh nghiệp FDI mỗi năm thu hút bình quân 13.663 lao động, tăng đều qua các năm trong cả giai đoạn 2016-2020 với tốc độ tăng bình quân 2,45%/năm.

Theo khu vực kinh tế, số lượng lao động làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp và xây dựng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng số lao động tỉnh Đồng Nai.

Hình 1. Số doanh nghiệp và lao động phân theo loại hình

Đơn vị tính: Doanh nghiệp, người



Năm 2020, mặc dù khu vực công nghiệp và xây dựng có số doanh nghiệp chiếm 42,6% tổng số doanh nghiệp, lao động lại đang có xu hướng giảm do ảnh hưởng từ đại dịch với mức giảm 0,34% so với năm 2019, nhưng vẫn là khu vực thu hút nhiều lao động nhất với 745.084 người, chiếm 86,2% tổng số lao động trong khu vực doanh nghiệp. Khu vực dịch vụ có số lượng doanh nghiệp lớn nhất trong toàn bộ khu vực doanh nghiệp nhưng thu hút số lao động thấp hơn nhiều so với khu vực công nghiệp và xây dựng với 111.054 người, chiếm 12,85% trong tổng số lao động làm việc trong khu vực doanh nghiệp, giảm 4,78% so với năm 2019. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chỉ thu hút được 8.185 lao động, chiếm 0,95% lao động của toàn bộ khu vực doanh nghiệp, tăng 4,59% so với năm 2019.

Tốc độ tăng số lượng doanh nghiệp nhanh hơn so với tốc độ tăng về số lượng lao động đã dẫn đến sự thay đổi theo hướng giảm dần quy mô bình quân của doanh nghiệp theo lao động.

Giai đoạn 2016-2020, tốc độ tăng số lượng doanh nghiệp nhanh hơn so với tốc độ tăng về số lượng lao động đã dẫn đến sự thay đổi theo hướng giảm dần quy mô của doanh nghiệp theo lao động. Lao động bình quân trong một doanh nghiệp giảm đều qua các năm, từ 62 người/doanh nghiệp năm 2016 xuống còn 44 người/doanh nghiệp năm 2020.

Xét theo tiêu chí lao động, khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước có quy mô lao động bình quân tương đương với quy mô của doanh nghiệp nhỏ; khu vực doanh nghiệp nhà nước và khu vực doanh nghiệp FDI có quy mô lao động bình quân tương đương với quy mô của doanh nghiệp lớn.

Theo loại hình doanh nghiệp, tại thời điểm 31/12/2020, quy mô lao động bình quân của khu vực doanh nghiệp FDI lớn nhất, với 489 người/doanh nghiệp; tiếp theo là khu vực doanh nghiệp nhà nước, với 272 người/doanh nghiệp; thấp nhất là khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước, với 14 người/doanh nghiệp.

Quy mô lao động của doanh nghiệp có xu hướng thu hẹp qua các năm trong giai đoạn 2016-2020. Quy mô lao động bình quân của tỉnh thấp chủ yếu do tác động của khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước. Khu vực này có quy mô lao động bình quân giai đoạn 2016-2020 là 17 người/doanh nghiệp, trong khi đây là khu vực có số doanh nghiệp và số lao động chiếm đa số trong toàn bộ doanh nghiệp và hầu hết các doanh nghiệp thuộc khu vực này là siêu nhỏ và nhỏ, tỷ lệ doanh nghiệp siêu nhỏ của khu vực này chiếm tới 98,9% trong tổng số doanh nghiệp siêu nhỏ. Ngược lại, lao động bình quân một doanh nghiệp của nhóm doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp nhà nước ở mức khá cao, với quy mô bình quân giai đoạn 2016-2020 của hai khu vực này lần lượt là 513 người và 271 người bình quân một doanh nghiệp.

Ngành công nghiệp và xây dựng có quy mô lao động bình quân doanh nghiệp lớn nhất.

Theo ngành kinh tế, quy mô lao động bình quân một doanh nghiệp của cả ba khu vực đều có xu hướng giảm nhẹ qua từng năm. Trong đó, ngành công nghiệp và xây dựng là khu vực có quy mô lao động bình quân cao nhất với 90 người/doanh nghiệp năm 2020, tiếp theo là ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản với 52 người/doanh nghiệp, thấp nhất là ngành dịch vụ với 10 người/doanh nghiệp.

2. Hợp tác xã

Tính đến 31/12/2020, tổng số HTX đang hoạt động SXKD trên phạm vi tỉnh Đồng Nai là 305 HTX, tăng 5,9% so với năm trước và 21,50% so với thời điểm 31/12/2016. Khu vực dịch vụ có số HTX nhiều nhất với 153 HTX, chiếm 50,16%, tăng 27,9% so với năm 2019; khu vực công nghiệp và xây dựng có 97 HTX, chiếm 31,8%, giảm 1% so với năm 2019; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có 55 HTX, chiếm 18,04%, tăng 4,08% so với năm 2019.

Tại thời điểm 31/12/2020, có 3.910 lao động đang làm việc trong các HTX, tăng 1,74% so với năm 2019 và giảm 17,56% so với cùng thời điểm năm 2016. Các HTX hoạt động trong khu vực dịch vụ thu hút nhiều lao động nhất với 1.569 người, chiếm 40,13% lao động của toàn bộ khu vực HTX, giảm 14,12% so với năm 2019; khu vực công nghiệp và xây dựng thu hút 1.493 lao động, chiếm 38,18%, tăng 1,36% so với năm 2019. HTX hoạt động trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản thu hút 848 lao động, chiếm 21,69%, tăng 56,17% so với năm 2019.

Giai đoạn 2016-2020, số lượng HTX tăng trưởng ổn định, lao động làm việc trong HTX giảm dần, quy mô HTX đang dần thu hẹp.

Trong giai đoạn 2016-2020, số lượng HTX tăng tương đối ổn định, bình quân mỗi năm tăng 5,53%, tuy nhiên, số lao động trong HTX giảm dần, bình quân mỗi năm giảm 4,58%. Quy mô HTX đang dần bị thu hẹp, số lao động bình quân mỗi HTX giai đoạn 2016 - 2020 là 15,12 người/HTX, số lao động bình quân mỗi HTX năm 2020 là 12,82 người/HTX, giảm 4% so với 2019.

III. CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH CÁ THỂ PHI NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

Số lượng cơ sở SXKD cá thể tiếp tục tăng, tuy nhiên mức tăng khá khiêm tốn so với kỳ Tổng điều tra trước.

Tại thời điểm 01/7/2021, toàn tỉnh có gần 156,6 nghìn cơ sở SXKD cá thể, tăng 1,74% (tăng 2,68 nghìn cơ sở) so với kỳ Tổng điều tra 2017.

Bình quân giai đoạn 2017-2021, số lượng cơ sở SXKD tăng 0,43%/năm, thấp hơn mức tăng bình quân 3,72%/năm trong giai đoạn 2012-2017. Nguyên nhân chủ yếu của mức tăng bình quân thấp trong giai đoạn 2017-2021 là do tác động của đại dịch Covid-19 trong năm 2020 và 2021 dẫn tới số lượng cơ sở cá thể năm 2021 giảm 2,48%, số lượng lao động cũng giảm 1,97% so với năm 2020.

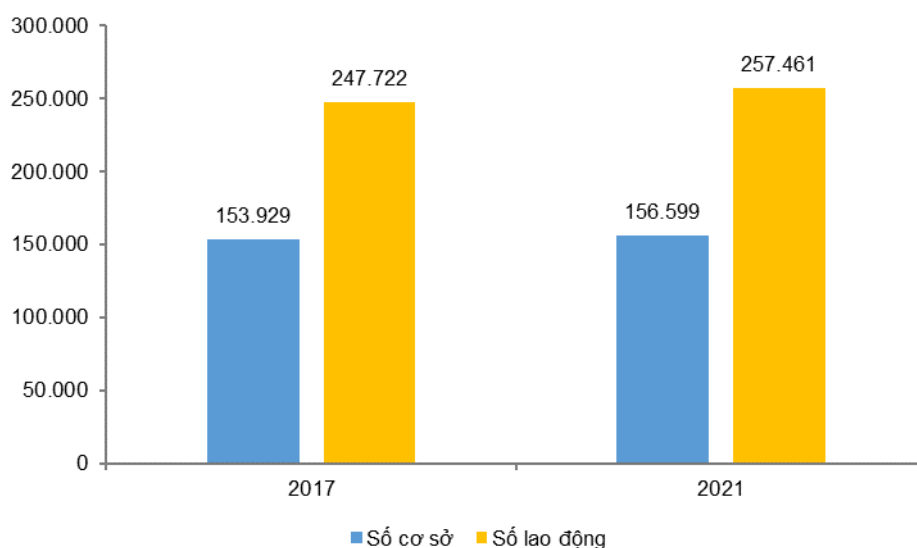
Số lượng cơ sở SXKD cá thể được phân bổ hầu hết trong các ngành, ngành thương mại, dịch vụ phát triển nhanh hơn và chiếm tỷ trọng cao nhất (chiếm 92% tổng số cơ sở SXKD cá thể); ngành công nghiệp, xây dựng chiếm 8%.

Lao động làm việc trong các cơ sở SXKD cá thể biến động không nhiều so với năm 2017; lao động bình quân một cơ sở giảm dần.

Các cơ sở SXKD cá thể năm 2021 thu hút trên 257,46 nghìn lao động, tăng 3,93% (tăng 9,74 nghìn lao động) so với năm 2017, thấp hơn rất nhiều so với mức tăng kỳ Tổng điều tra trước (năm 2017 tăng 19,87% so với năm 2012). Với tính chất hoạt động kinh doanh nhỏ lẻ, các cơ sở SXKD cá thể là bộ phận dễ bị tổn thương trước những biến động của thị trường. Đại dịch Covid-19 năm 2021 đã khiến hoạt động SXKD của các cơ sở cá thể bị ảnh hưởng nghiêm trọng, nhiều cơ sở phải thu hẹp quy mô SXKD, cắt giảm lao động kéo theo tăng trưởng bình quân trong giai đoạn 2017-2021 chỉ đạt 0,97%/năm.

Hình 2. Số cơ sở SXKD cá thể và lao động qua 2 kỳ Tổng điều tra

Đơn vị tính: Cơ sở, người



Các cơ sở SXKD vẫn mang tính chất nhỏ lẻ, thể hiện qua quy mô lao động trên 1 cơ sở thấp. Lao động bình quân một cơ sở SXKD cá thể năm 2021 đạt 1,64 người/1 cơ sở, tăng nhẹ so với 1,61 người/1 cơ sở năm 2017.

Biểu 2. Số cơ sở SXKD cá thể và lao động qua hai kỳ Tổng điều tra

	2017	2021	TĐT năm 2021 so 2017 (%)	Tăng trưởng BQ hàng năm 2017-2021 (%)
Số cơ sở (Cơ sở)	153.922	156.599	101,74	0,43
Số lao động (Người)	247.722	257.461	103,93	0,97
Lao động bình quân 1 cơ sở (Người/Cơ sở)	1,61	1,64	102,15	0,53

Các cơ sở SXKD cá thể phân bố không đồng đều theo đơn vị hành chính; thành phố Biên Hòa là nơi tập trung nhiều cơ sở SXKD cá thể nhất cả tỉnh.

Số lượng cơ sở SXKD cá thể tại thành phố Biên Hòa chiếm tỷ trọng lớn nhất cả tỉnh với 49,8 nghìn cơ sở, chiếm 31,81%, giảm 1,67% (giảm 847 cơ sở) so với năm 2017, bình quân mỗi năm giảm 0,42% trong giai đoạn 2017-2021. Nguyên nhân số cơ sở cá thể của TP. Biên Hòa năm 2021 giảm so với năm 2017 là do ảnh hưởng của dịch Covid-19 năm 2021 trên địa bàn, cơ sở sản xuất ngưng hoạt động thời gian dài. Mặt khác, do thi công xây dựng nhiều tuyến đường giao thông nên một số hộ không tồn tại.

Số lượng cơ sở SXKD cá thể tại thành phố Long Khánh có 10,2 nghìn cơ sở, chiếm 6,52%, tăng 5,43% (tăng 526 cơ sở) so với năm 2017, bình quân mỗi năm tăng 1,33% trong giai đoạn 2017-2021.

Số lượng cơ sở SXKD cá thể tại huyện Tân Phú có 9,8 nghìn cơ sở, chiếm 6,23%, tăng 6,25% (tăng 574 cơ sở) so với năm 2017, bình quân mỗi năm tăng 1,53% trong giai đoạn 2017-2021.

Số lượng cơ sở SXKD cá thể tại huyện Vĩnh Cửu có 6,9 nghìn cơ sở, chiếm 4,41%, tăng 22,9% (tăng 1.292 cơ sở) so với năm 2017, bình quân mỗi năm tăng 5,31% trong giai đoạn 2017-2021.

Số lượng cơ sở SXKD cá thể tại huyện Định Quán có 10,9 nghìn cơ sở, chiếm 6,96%, giảm 2,42% (giảm 270 cơ sở) so với năm 2017, bình quân mỗi năm giảm 0,61% trong giai đoạn 2017-2021.

Số lượng cơ sở SXKD cá thể tại huyện Trảng Bom có 18,6 nghìn cơ sở, chiếm 11,85%, tăng 0,7% (tăng 129 cơ sở) so với năm 2017, bình quân mỗi năm tăng 0,17% trong giai đoạn 2017-2021.

Số lượng cơ sở SXKD cá thể tại huyện Thống Nhất có 7,5 nghìn cơ sở, chiếm 4,78%, giảm 8,1% (giảm 657 cơ sở) so với năm 2017, bình quân mỗi năm giảm 2,08% trong giai đoạn 2017-2021.

Số lượng cơ sở SXKD cá thể tại huyện Cẩm Mỹ có 8,3 nghìn cơ sở, chiếm 5,3%, tăng 5,6% (tăng 438 cơ sở) so với năm 2017, bình quân mỗi năm tăng 1,37% trong giai đoạn 2017-2021.

Số lượng cơ sở SXKD cá thể tại huyện Long Thành có 10,5 nghìn cơ sở, chiếm 6,71%, giảm 1,65% (giảm 176 cơ sở) so với năm 2017, bình quân mỗi năm giảm 0,41% trong giai đoạn 2017-2021.

Số lượng cơ sở SXKD cá thể tại huyện Xuân Lộc có 13,5 nghìn cơ sở, chiếm 8,59%, tăng 10,3% (tăng 1.250 cơ sở) so với năm 2017, bình quân mỗi năm tăng 2,47% trong giai đoạn 2017-2021.

Số lượng cơ sở SXKD cá thể tại huyện Nhơn Trạch có 10,7 nghìn cơ sở, chiếm 6,86%, tăng 4,1% (tăng 418 cơ sở) so với năm 2017, bình quân mỗi năm tăng 1% trong giai đoạn 2017-2021.

Lao động trong các cơ sở cá thể vẫn tập trung chủ yếu tại các huyện, thành phố có các khu công nghiệp; lao động bình quân một cơ sở khá tương đồng giữa các đơn vị hành chính trên phạm vi toàn tỉnh.

Thành phố Biên Hòa vẫn là nơi thu hút nhiều lao động nhất với 77,9 nghìn người, chiếm 30,26%, tăng 1,12% (tăng 859 lao động) so với năm 2017, bình quân giai đoạn 2017-2021 tăng 0,28% một năm. Lao động bình quân một cơ sở là 1,56 người.

Số lao động cơ sở SXKD cá thể tại thành phố Long Khánh đạt 17,8 nghìn người, chiếm 6,93%, tăng 6,63% (tăng 1.159 lao động) so với năm 2017, bình quân giai đoạn 2017-2021 tăng 1,62% một năm. Lao động bình quân một cơ sở là 1,75 người.

Số lao động tại huyện Tân Phú đạt 16,9 nghìn người, chiếm 6,56%, tăng 9,89% (tăng 1.520 lao động) so với năm 2017, bình quân giai đoạn 2017-2021 tăng 2,39% một năm. Lao động bình quân một cơ sở là 1,73 người.

Số lao động tại huyện Vĩnh Cửu đạt 10,4 nghìn người, chiếm 4,05%, tăng 15,92% (tăng 1.433 lao động) so với năm 2017, bình quân

giai đoạn 2017-2021 tăng 3,76% một năm. Lao động bình quân một cơ sở là 1,51 người.

Số lao động tại huyện Định Quán đạt 16,5 nghìn người, chiếm 6,41%, giảm 1,21% (giảm 203 lao động) so với năm 2017, bình quân giai đoạn 2017-2021 giảm 0,3% một năm. Lao động bình quân một cơ sở là 1,51 người.

Số lao động tại huyện Trảng Bom đạt 30,4 nghìn người, chiếm 11,79%, tăng 2,99% (tăng 881 lao động) so với năm 2017, bình quân giai đoạn 2017-2021 tăng 0,74% một năm. Lao động bình quân một cơ sở là 1,64 người.

Số lao động tại huyện Thống Nhất đạt 12,4 nghìn người, chiếm 4,81%, giảm 8,8% (giảm 1.195 lao động) so với năm 2017, bình quân giai đoạn 2017-2021 giảm 2,28% một năm. Lao động bình quân một cơ sở là 1,66 người.

Số lao động tại huyện Cẩm Mỹ đạt 14,1 nghìn người, chiếm 5,47%, tăng 4,43% (tăng 597 lao động) so với năm 2017, bình quân giai đoạn 2017-2021 tăng 1,09% một năm. Lao động bình quân một cơ sở là 1,7 người.

Số lao động tại huyện Long Thành đạt 17,1 nghìn người, chiếm 6,66%, tăng 3,28% (tăng 545 lao động) so với năm 2017, bình quân giai đoạn 2017-2021 tăng 0,81% một năm. Lao động bình quân một cơ sở là 1,63 người.

Số lao động tại huyện Xuân Lộc đạt 27,5 nghìn người, chiếm 10,7%, tăng 13,42% (tăng 3.258 lao động) so với năm 2017, bình quân giai đoạn 2017-2021 tăng 3,2% một năm. Lao động bình quân một cơ sở là 2,05 người.

Số lao động tại huyện Nhơn Trạch đạt 16,4 nghìn người, chiếm 6,36%, tăng 6,05% (tăng 935 lao động) so với năm 2017, bình quân giai đoạn 2017-2021 tăng 1,48% một năm. Lao động bình quân một cơ sở là 1,53 người.

**Biểu 3. Số lượng và lao động trong các cơ sở SXKD cá thể
phân theo địa phương**

	Cơ sở (Cơ sở)		Lao động (Người)		Tăng trưởng BQ hàng năm (%)	
	Tổng ĐT năm 2017	Tổng ĐT năm 2021	Tổng ĐT năm 2017	Tổng ĐT năm 2021	Số cơ sở	Số lao động
TỔNG SỐ	153.922	156.599	247.722	257.461	0,43	0,97
Thành phố Biên Hòa	50.651	49.804	77.038	77.897	-0,42	0,28
Thành phố Long Khánh	9.681	10.207	16.734	17.843	1,33	1,62
Huyện Tân Phú	9.184	9.758	15.363	16.883	1,53	2,39
Huyện Vĩnh Cửu	5.620	6.912	9.001	10.434	5,31	3,76
Huyện Định Quán	11.171	10.901	16.718	16.515	-0,61	-0,30
Huyện Trảng Bom	18.430	18.559	29.486	30.367	0,17	0,74
Huyện Thống Nhất	8.135	7.478	13.580	12.385	-2,08	-2,28
Huyện Cẩm Mỹ	7.857	8.295	13.477	14.074	1,37	1,09
Huyện Long Thành	10.676	10.500	16.601	17.146	-0,41	0,81
Huyện Xuân Lộc	12.199	13.449	24.281	27.539	2,47	3,20
Huyện Nhơn Trạch	10.318	10.736	15.443	16.378	1,00	1,48

Trong tổng số gần 156,6 nghìn cơ sở SXKD cá thể, khu vực thương mại dịch vụ chiếm tới 92%, tương đương 144,1 nghìn cơ sở, tăng 2,44% (tăng 3.430 cơ sở) so với năm 2017, bình quân giai đoạn 2017-2021 tăng 0,6%/năm, thấp hơn giai đoạn 2012-2017 (tăng 4,92%).

Ngược lại, số cơ sở SXKD cá thể khu vực công nghiệp - xây dựng chỉ chiếm 8% với 12,5 nghìn cơ sở, giảm 5,67% (giảm 753 cơ sở) so với năm 2017, bình quân mỗi năm trong giai đoạn 2017-2021 giảm 1,45%, thấp hơn giai đoạn 2012-2017 (tăng 2,16%).

Cùng với số lượng lớn cơ sở SXKD, lao động trong khu vực dịch vụ cũng chiếm tỷ trọng lớn nhất, đạt 87,79%, tương đương 226,02 nghìn lao động, tăng 5,94% (tăng 12,68 nghìn lao động) so với năm 2017, bình quân mỗi năm tăng 1,45% trong giai đoạn 2017-2021, thấp hơn giai đoạn 2012-2017 (tăng 5,28%).

Lao động trong khu vực công nghiệp - xây dựng đạt trên 31,4 nghìn lao động, chiếm 12,21%, giảm 8,54% (giảm 2,94 nghìn lao động) so với năm 2017, bình quân mỗi năm trong giai đoạn 2017-2021 giảm 2,21%, thấp hơn giai đoạn 2012-2017 (tăng 1,05%).

IV. ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP, HIỆP HỘI

Theo kết quả Tổng điều tra kinh tế năm 2021, tổng số đơn vị sự nghiệp toàn tỉnh tại thời điểm 31/12/2020 là 1.059 đơn vị, giảm 19,1% so với kỳ Tổng điều tra năm 2017. Trong đó, đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế là 28 đơn vị, giảm 86,47% so năm 2016 (-179 đơn vị); đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực thông tin, truyền thông là 3 đơn vị, giảm 80% so với năm 2016 (-12 đơn vị); đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao là 15 đơn vị, giảm 50% so với năm 2016 (-15 đơn vị); đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực khác là 84 đơn vị, giảm 51,16% so năm 2016 (-88 đơn vị). Riêng đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục là 929 đơn vị, tăng 4,97% so năm 2016 (+44 đơn vị).

Nguyên nhân của việc giảm số lượng đơn vị sự nghiệp, đặc biệt là các đơn vị sự nghiệp công lập chủ yếu do việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW gắn chặt với việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị khóa XI về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Mặt khác, do có sự thay đổi phương án Tổng điều tra kinh tế năm 2021 cho khối sự nghiệp công lập.

Các trạm y tế xã/phường của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được coi là một đơn vị cơ sở của đơn vị điều tra là trung tâm y tế quận/huyện. Cụ thể: Trung tâm y tế huyện đã sáp nhập các trạm y tế; trung tâm kế hoạch hóa gia đình; trung tâm y tế và bệnh viện thành một đơn vị; Trung tâm văn hóa, thông tin, thể thao sáp nhập 5 đơn vị là Trung tâm văn hóa, Trung tâm thể thao, Thư viện, Bảo tàng, Trung tâm truyền hình, do vậy mỗi huyện/TP đã giảm ở kỳ điều tra này 4 đơn vị; Trung tâm dịch vụ nông nghiệp sáp nhập 3 đơn vị gồm: Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi, Trạm khuyến nông, Trạm trông trọt và bảo vệ thực vật; Văn phòng đăng ký đất đai là đơn vị hạch toán phụ thuộc nên không thuộc đối tượng điều tra; một số đơn vị dịch vụ khác sáp nhập gồm: Trung tâm kiểm định đất đai tỉnh Đồng Nai; Trung tâm kỹ thuật địa chính nhà đất; Trung tâm truyền thông và tư vấn môi trường Đồng Nai...

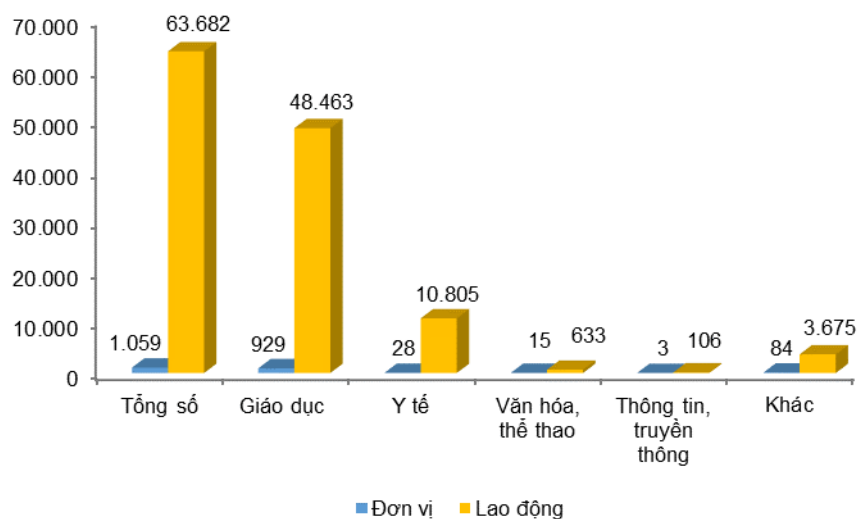
Biểu 4. Số lượng và lao động trong các đơn vị sự nghiệp

	Số lượng (Đơn vị)	Lao động (Người)	% tăng, giảm so với kỳ TĐT năm 2017		Tăng, giảm bình quân giai đoạn 2016-2020 (%)	
			Số lượng	Lao động	Số lượng	Lao động
TỔNG SỐ	1.059	63.682	- 19,10	5,23	- 5,16	1,28
1. Lĩnh vực giáo dục, đào tạo	929	48.463	4,97	9,28	1,22	2,24
2. Lĩnh vực y tế	28	10.805	- 86,47	3,96	- 39,35	0,98
3. Lĩnh vực văn hóa, thể thao	15	633	- 50,00	13,85	- 15,91	3,30
4. Lĩnh vực thông tin, truyền thông	3	106	- 80,00	- 61,73	- 33,13	- 21,35
5. Lĩnh vực khác	84	3.675	- 51,16	- 25,68	- 16,40	- 7,15

Tổng số lao động trong đơn vị sự nghiệp đạt 63.682 lao động, tăng 5,23% so với năm 2016, bình quân giai đoạn 2016-2020 tăng 1,28%/năm. Mặc dù số lượng đơn vị giảm nhiều do sáp nhập nhưng quy mô vẫn tăng cao, do đó lao động vẫn tăng so năm 2016. Cơ cấu lao động thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo chiếm tỷ trọng cao nhất 76,1%, với mức đóng góp 6,8 điểm phần trăm so với năm 2016; đứng thứ hai là lĩnh vực y tế chiếm 16,97%, với mức đóng góp 0,68 điểm phần trăm so với năm 2016; tiếp theo là lĩnh vực văn hóa, thể thao chiếm 0,99%, với mức đóng góp 0,13 điểm phần trăm so với năm 2016; tiếp theo là lĩnh vực thông tin, truyền thông chiếm tỷ trọng 0,17%, tương ứng với mức giảm 0,28 điểm phần trăm so với năm 2016; cuối cùng là lĩnh vực sự nghiệp khác chiếm 5,77%, tương ứng với mức giảm 2,1 điểm phần trăm so với năm 2016.

Hình 3. Số cơ sở SXKD cá thể và lao động qua 2 kỳ Tổng điều tra

Đơn vị tính: Cơ sở, người



Lao động bình quân trên một đơn vị sự nghiệp theo lĩnh vực hoạt động và theo địa phương có sự khác biệt rõ rệt.

Xu hướng sáp nhập các đơn vị sự nghiệp thể hiện rõ qua chỉ tiêu số lượng lao động bình quân trên một đơn vị sự nghiệp. Lao động bình quân trên 1 đơn vị là 60 người, tăng 14 người so với năm 2016, trong đó: lĩnh vực y tế là 386 người/đơn vị, số lượng lao động lĩnh vực này tăng cao (năm 2016 là 50 người/đơn vị) là do sáp nhập từ 207 đơn vị xuống còn 28 đơn vị, mặt khác quy mô được mở rộng thêm (Bệnh viện Đồng Nai quy mô từ 700 giường bệnh lên quy mô 2000 giường bệnh) nên lao động bình quân tăng cao; lĩnh vực giáo dục, đào tạo là 52 người/đơn vị; lĩnh vực văn hóa, thể thao là 42 người/đơn vị; lĩnh vực thông tin, truyền thông là 35 người/đơn vị và lĩnh vực khác là 44 người/đơn vị.

**Biểu 5. Lao động bình quân trên một đơn vị sự nghiệp
phân theo loại hình tổ chức và địa phương**

Đơn vị tính: Người/đơn vị

	Tổng số	Phân theo loại hình tổ chức					
		Lĩnh vực giáo dục, đào tạo	Lĩnh vực y tế	Lĩnh vực văn hóa, thể thao	Lĩnh vực thông tin, truyền thông	Lĩnh vực lưu trú	Lĩnh vực khác
TỔNG SỐ	60	52	386	42	35	-	44
Thành phố Biên Hòa	85	72	435	48	41	-	52
Thành phố Long Khánh	54	42	380	40	-	-	16
Huyện Tân Phú	48	43	366	35	-	-	56
Huyện Vĩnh Cửu	50	42	384	30	-	-	72
Huyện Định Quán	50	45	302	39	-	-	22
Huyện Trảng Bom	47	44	405	43	-	-	38
Huyện Thống Nhất	42	39	291	31	-	-	17
Huyện Cẩm Mỹ	41	39	228	-	24	-	13
Huyện Long Thành	64	60	279	48	-	-	34
Huyện Xuân Lộc	52	47	457	38	-	-	55
Huyện Nhơn Trạch	49	46	288	41	-	-	37

Đơn vị hiệp hội: Theo kết quả Tổng điều tra, tại thời điểm 30/12/2020, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có 89 đơn vị hiệp hội đang hoạt động, tương đương với số lượng đơn vị năm 2016. Số lao động có đến 31/12/2020 là 386 người, so với năm 2016 tăng 2,66% (+10 người); số lao động bình quân một đơn vị là 4 người. Trong tổng số đơn vị hiệp hội trên địa bàn tỉnh thì thành phố Biên Hòa có 21 đơn vị với 150 lao động; kế đến là huyện Thống Nhất có 9 đơn vị với 30 lao động; huyện Trảng Bom 9 đơn vị với 29 lao động; huyện Long Thành 7 đơn vị với 25 lao động; TP. Long Khánh 7 đơn vị với 21 lao động; các huyện còn lại đều 6 đơn vị với số lao động mỗi đơn vị khoảng 20 người. Nhìn chung số đơn vị hiệp hội không biến động, hoạt động ổn định qua các năm.

V. CƠ SỞ TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG

Đối với khu vực tôn giáo, tín ngưỡng, đơn vị điều tra là các cơ sở thờ tự, tu hành, nơi đào tạo người chuyên hoạt động tôn giáo, trụ sở của tổ chức tôn giáo, những cơ sở khác của tôn giáo được nhà nước công nhận như: Phật giáo, Công giáo, Cao đài, Tin lành... và các cơ sở tín ngưỡng.

Theo kết quả Tổng điều tra năm 2021, tính đến thời điểm 31/12/2020, toàn tỉnh có 1.283 cơ sở thuộc các tôn giáo, tín ngưỡng khác nhau, tăng 6,03% so với năm 2016; bình quân giai đoạn 2017-2021 tăng 1,48%/năm. Cụ thể ở các địa phương như sau:

Thành phố Biên Hòa là nơi có số lượng cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng nhiều nhất cả tỉnh, với 303 cơ sở, chiếm 23,62%; huyện Long Thành đứng thứ hai với 189 cơ sở, chiếm 14,73%; huyện Xuân Lộc đứng thứ 3 với 116 cơ sở, chiếm 9,04%; huyện Định Quán đứng thứ 4 với 111 cơ sở, chiếm 8,65%; huyện Trảng Bom với 101 cơ sở, chiếm 7,87%; huyện Cẩm Mỹ với 98 cơ sở, chiếm 7,64%; thành phố Long Khánh với 95 cơ sở, chiếm 7,4%; huyện Thống Nhất với 85 cơ sở, chiếm 6,63%; huyện Nhơn Trạch với 76 cơ sở, chiếm 5,92%; huyện Tân Phú với 66 cơ sở, chiếm 5,14%; huyện Vĩnh Cửu với 43 cơ sở, chiếm 3,35% tổng số cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng trên phạm vi toàn tỉnh.

Biểu 6. Số cơ sở, lao động tôn giáo, tín ngưỡng phân theo địa phương

	Cơ sở (Cơ sở)		Lao động (Người)		Cơ cấu (%)	
	Tổng ĐT năm 2017	Tổng ĐT năm 2021	Tổng ĐT năm 2017	Tổng ĐT năm 2021	Cơ sở năm 2021	Lao động năm 2021
TỔNG SỐ	1.210	1.283	8.329	7.111	100,00	100,00
Thành phố Biên Hòa	291	303	2.719	1.926	23,62	27,08
Thành phố Long Khánh	84	95	421	407	7,40	5,72
Huyện Tân Phú	63	66	244	293	5,14	4,12
Huyện Vĩnh Cửu	52	43	167	152	3,35	2,14
Huyện Định Quán	101	111	315	432	8,65	6,08
Huyện Trảng Bom	95	101	459	673	7,87	9,46
Huyện Thống Nhất	74	85	326	474	6,63	6,67
Huyện Cẩm Mỹ	96	98	410	257	7,64	3,61
Huyện Long Thành	182	189	2.505	1.510	14,73	21,23
Huyện Xuân Lộc	96	116	418	551	9,04	7,75
Huyện Nhơn Trạch	76	76	345	436	5,92	6,13

Ngược lại với chỉ tiêu số lượng cơ sở, lao động trong các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng có xu hướng ngày càng giảm.

Theo kết quả Tổng điều tra năm 2021, toàn tỉnh có 7.111 lao động thuộc các tôn giáo, tín ngưỡng khác nhau, giảm 14,62% so với năm 2017; bình quân giai đoạn 2017-2021 giảm 3,88%/năm; lao động bình quân 1 cơ sở năm 2021 đạt 5,5 lao động, giảm 19,48% so với năm 2017; bình quân giai đoạn 2017-2021 giảm 5,27%/năm.

Thành phố Biên Hòa là nơi có số lượng lao động tôn giáo, tín ngưỡng nhiều nhất cả tỉnh, với 1.926 người, chiếm 27,08%; huyện Long Thành đứng thứ hai với 1.510 người, chiếm 21,23%; huyện Trảng Bom đứng thứ ba với 673 người, chiếm 9,46%; huyện Xuân Lộc đứng thứ 4 với 551 người, chiếm 7,75%; huyện Nhơn Trạch với 436 người, chiếm 6,13%; huyện Định Quán với 432 người, chiếm 6,08%; huyện Thống Nhất với 474 người, chiếm 6,67%; thành phố Long Khánh với 407 người, chiếm 5,72%; huyện Tân Phú với 293 người, chiếm 4,12%; huyện Cẩm Mỹ với 257 người, chiếm 3,61%; huyện Vĩnh Cửu với 152 người, chiếm 2,14% tổng số lao động cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng trên phạm vi toàn tỉnh.

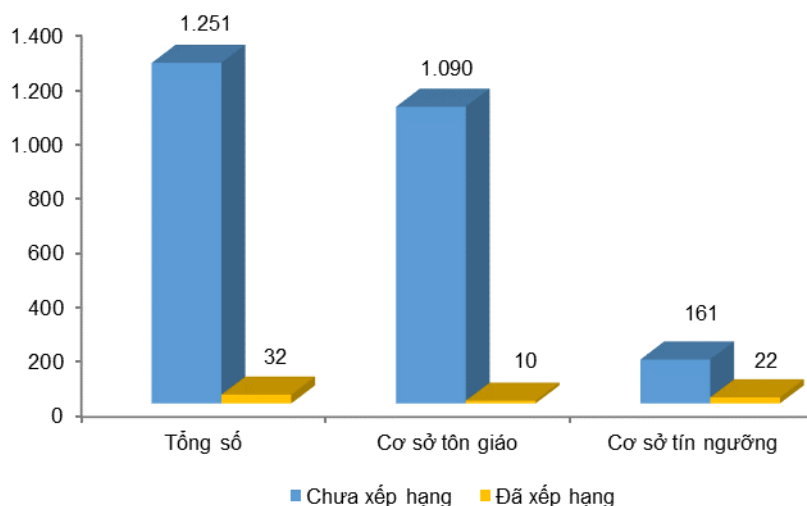
Biểu 7. Số cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng phân theo loại xếp hạng, loại cơ sở

	Tổng số	Chưa được xếp hạng	Đã được xếp hạng	Chia ra	
				Cấp quốc gia	Cấp tỉnh, thành phố
TỔNG SỐ	1.283	1.251	32	12	20
1. Cơ sở tôn giáo	1.100	1.090	10	5	5
2. Cơ sở tín ngưỡng	183	161	22	7	15

Số cơ sở tôn giáo chiếm tỷ trọng cao nhất với 1.100 cơ sở, tương đương 85,74% tổng số cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, tuy nhiên có tới 99,1% cơ sở chưa được xếp hạng. Các cơ sở được xếp hạng di tích lịch sử chỉ chiếm 0,9% với 10 cơ sở, chủ yếu là các cơ sở thuộc Phật giáo (chùa). Trong đó, các cơ sở được xếp hạng cấp tỉnh/thành phố là 5 cơ sở; chiếm 50%; cấp quốc gia là 5 cơ sở, chiếm 50% trong tổng số các cơ sở đã được xếp hạng.

Hình 4. Số cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng phân theo loại xếp hạng

Đơn vị tính: Cơ sở



Số cơ sở tín ngưỡng là 183 cơ sở, trong đó có 161 cơ sở chưa được xếp hạng, chiếm tỷ lệ 87,98%. Số cơ sở tín ngưỡng được xếp hạng di tích là 22 cơ sở, chiếm tỷ trọng 12,02% tổng số cơ sở tín ngưỡng. Trong tổng số cơ sở tín ngưỡng đã được xếp hạng, số cơ sở được xếp hạng di tích cấp tỉnh/thành phố là 15 cơ sở, chiếm 68,18%; cấp quốc gia là 7 cơ sở, chiếm 31,82%.

Qua số liệu điều tra có thể thấy, giai đoạn 2017-2021, số cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh tiếp tục phát triển về số lượng, điều này thể hiện đúng với chủ trương của Đảng và Nhà nước là tôn trọng và tạo điều kiện phát triển hoạt động của mọi tôn giáo, tín ngưỡng chính thống của nước ta. Các thông tin về hoạt động của các tổ chức, các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng qua cuộc Tổng điều tra là rất hữu ích đối với công tác quản lý chung của nhà nước và phản ánh nhu cầu chung của xã hội.

Phần IV
CÁC BIỂU SỐ LIỆU

1 Số đơn vị, lao động và cơ cấu của các đơn vị điều tra

	Số đơn vị		Số lao động	
	Số lượng (Đơn vị)	Cơ cấu (%)	Số lượng (Người)	Cơ cấu (%)
TỔNG SỐ	178.744	100,00	1.196.873	100,00
I. Phân theo loại hình				
1. Doanh nghiệp	19.409	10,86	864.323	72,22
1.1. Doanh nghiệp nhà nước	38	0,02	10.345	0,86
1.2. Doanh nghiệp ngoài nhà nước	18.156	10,16	260.064	21,73
1.3. Doanh nghiệp FDI	1.215	0,68	593.914	49,62
2. Hợp tác xã	305	0,17	3.910	0,33
3. Cơ sở SXKD cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản	156.599	87,61	257.461	21,51
4. Đơn vị sự nghiệp, hiệp hội	1.148	0,64	64.068	5,35
4.1. Đơn vị sự nghiệp	1.059	0,59	63.682	5,32
4.2. Hiệp hội; tổ chức phi chính phủ nước ngoài hoạt động tại Việt Nam	89	0,05	386	0,03
5. Cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng	1.283	0,72	7.111	0,59
II. Phân theo khu vực kinh tế				
1. Nông, lâm nghiệp và thủy sản	210	0,12	9.033	0,75
2. Công nghiệp, xây dựng	20.890	11,69	778.021	65,00
3. Dịch vụ	157.644	88,19	409.819	34,25

2 Số đơn vị điều tra phân theo khu vực kinh tế và theo địa phương

Đơn vị tính: Đơn vị

102

	Tổng số	Chia ra					
		Doanh nghiệp	Hợp tác xã	Cơ sở SXKD cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản	Đơn vị sự nghiệp	Hiệp hội; tổ chức phi chính phủ nước ngoài hoạt động tại Việt Nam	Cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng
TỔNG SỐ	178.744	19.409	305	156.599	1.059	89	1.283
I. Phân theo khu vực kinh tế							
1. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	210	155	55	-	-	-	-
2. Công nghiệp, xây dựng	20.890	8.268	97	12.525	-	-	-
3. Dịch vụ	157.644	10.986	153	144.074	1.059	89	1.283
II. Phân theo địa phương							
Thành phố Biên Hòa	62.164	11.665	63	49.804	308	21	303
Thành phố Long Khánh	11.034	637	20	10.207	68	7	95
Huyện Tân Phú	10.127	187	33	9.758	77	6	66

2 (Tiếp theo) Số đơn vị điều tra phân theo khu vực kinh tế và theo địa phương

Đơn vị tính: Đơn vị

		Tổng số	Chia ra					
			Doanh nghiệp	Hợp tác xã	Cơ sở SXKD cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản	Đơn vị sự nghiệp	Hiệp hội; tổ chức phi chính phủ nước ngoài hoạt động tại Việt Nam	Cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng
103	Huyện Vĩnh Cửu	7.620	577	26	6.912	56	6	43
	Huyện Định Quán	11.353	240	13	10.901	82	6	111
	Huyện Trảng Bom	20.522	1.713	37	18.559	103	9	101
	Huyện Thống Nhất	7.966	306	20	7.478	68	9	85
	Huyện Cẩm Mỹ	8.665	182	14	8.295	70	6	98
	Huyện Long Thành	12.706	1.914	18	10.500	78	7	189
	Huyện Xuân Lộc	14.283	580	46	13.449	86	6	116
	Huyện Nhơn Trạch	12.304	1.408	15	10.736	63	6	76

3 Số lao động trong các đơn vị điều tra phân theo khu vực kinh tế và theo địa phương

Đơn vị tính: Người

	Tổng số	Chia ra					
		Doanh nghiệp	Hợp tác xã	Cơ sở SXKD cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản	Đơn vị sự nghiệp	Hiệp hội; tổ chức phi chính phủ nước ngoài hoạt động tại Việt Nam	Cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng
TỔNG SỐ	1.196.873	864.323	3.910	257.461	63.682	386	7.111
I. Phân theo khu vực kinh tế							
1. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	9.033	8.185	848	-	-	-	-
2. Công nghiệp, xây dựng	778.021	745.084	1.493	31.444	-	-	-
3. Dịch vụ	409.819	111.054	1.569	226.017	63.682	386	7.111
II. Phân theo địa phương							
Thành phố Biên Hòa	496.789	389.684	841	77.897	26.291	150	1.926
Thành phố Long Khánh	52.921	30.725	264	17.843	3.661	21	407
Huyện Tân Phú	25.307	4.009	425	16.883	3.676	21	293

3 (Tiếp theo) Số lao động trong các đơn vị điều tra phân theo khu vực kinh tế và theo địa phương

Đơn vị tính: Người

		Tổng số	Chia ra					
			Doanh nghiệp	Hợp tác xã	Cơ sở SXKD cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản	Đơn vị sự nghiệp	Hiệp hội; tổ chức phi chính phủ nước ngoài hoạt động tại Việt Nam	Cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng
105	Huyện Vĩnh Cửu	69.217	55.590	194	10.434	2.826	21	152
	Huyện Định Quán	29.709	8.503	134	16.515	4.099	26	432
	Huyện Trảng Bom	174.254	138.091	213	30.367	4.881	29	673
	Huyện Thống Nhất	19.349	3.487	148	12.385	2.825	30	474
	Huyện Cẩm Mỹ	18.803	1.517	92	14.074	2.841	22	257
	Huyện Long Thành	99.471	75.318	489	17.146	4.983	25	1.510
	Huyện Xuân Lộc	68.606	35.062	925	27.539	4.507	22	551
	Huyện Nhơn Trạch	142.447	122.337	185	16.378	3.092	19	436

4 Số doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh và số lao động có đến thời điểm 31/12/2020 phân theo thành phần kinh tế và theo khu vực kinh tế

	Số doanh nghiệp (Doanh nghiệp)	Số lao động (Người)
TỔNG SỐ	19.409	864.323
I. Phân theo thành phần kinh tế		
1. Doanh nghiệp nhà nước	38	10.345
2. Doanh nghiệp ngoài nhà nước	18.156	260.064
3. Doanh nghiệp FDI	1.215	593.914
II. Phân theo khu vực kinh tế		
1. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	155	8.185
2. Công nghiệp, xây dựng	8.268	745.084
3. Dịch vụ	10.986	111.054
Cơ cấu (%)		
TỔNG SỐ	100,00	100,00
I. Phân theo thành phần kinh tế		
1. Doanh nghiệp nhà nước	0,20	1,20
2. Doanh nghiệp ngoài nhà nước	93,54	30,09
3. Doanh nghiệp FDI	6,26	68,71
II. Phân theo khu vực kinh tế		
1. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	0,80	0,95
2. Công nghiệp, xây dựng	42,60	86,20
3. Dịch vụ	56,60	12,85

5 Số doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh và số lao động có đến thời điểm 31/12/2020 phân theo địa phương

	Số doanh nghiệp (Doanh nghiệp)	Số lao động (Người)
TỔNG SỐ	19.409	864.323
Thành phố Biên Hòa	11.665	389.684
Thành phố Long Khánh	637	30.725
Huyện Tân Phú	187	4.009
Huyện Vĩnh Cửu	577	55.590
Huyện Định Quán	240	8.503
Huyện Trảng Bom	1.713	138.091
Huyện Thống Nhất	306	3.487
Huyện Cẩm Mỹ	182	1.517
Huyện Long Thành	1.914	75.318
Huyện Xuân Lộc	580	35.062
Huyện Nhơn Trạch	1.408	122.337

**6 Số hợp tác xã đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh
và số lao động có đến thời điểm 31/12/2020
phân theo khu vực kinh tế**

	Số hợp tác xã (Hợp tác xã)	Số lao động (Người)
TỔNG SỐ	305	3.910
1. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	55	848
2. Công nghiệp, xây dựng	97	1.493
3. Dịch vụ	153	1.569
Cơ cấu (%)		
TỔNG SỐ	100,00	100,00
1. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	18,03	21,69
2. Công nghiệp, xây dựng	31,80	38,18
3. Dịch vụ	50,16	40,13

**7 Số hợp tác xã đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh
và số lao động có đến thời điểm 31/12/2020
phân theo địa phương**

	Số hợp tác xã (Hợp tác xã)	Số lao động (Người)
TỔNG SỐ	305	3.910
Thành phố Biên Hòa	63	841
Thành phố Long Khánh	20	264
Huyện Tân Phú	33	425
Huyện Vĩnh Cửu	26	194
Huyện Định Quán	13	134
Huyện Trảng Bom	37	213
Huyện Thống Nhất	20	148
Huyện Cẩm Mỹ	14	92
Huyện Long Thành	18	489
Huyện Xuân Lộc	46	925
Huyện Nhơn Trạch	15	185

8 Số cơ sở sản xuất, kinh doanh cá thể phi nông, lâm nghiệp, thủy sản phân theo địa phương tại thời điểm 01/7/2021

Đơn vị tính: Cơ sở

	Tổng số	Chia ra	
		Công nghiệp, xây dựng	Thương mại, vận tải, dịch vụ
TỔNG SỐ	156.599	12.525	144.074
Thành phố Biên Hòa	49.804	2.383	47.421
Thành phố Long Khánh	10.207	826	9.381
Huyện Tân Phú	9.758	1.373	8.385
Huyện Vĩnh Cửu	6.912	504	6.408
Huyện Định Quán	10.901	1.362	9.539
Huyện Trảng Bom	18.559	1.420	17.139
Huyện Thống Nhất	7.478	783	6.695
Huyện Cẩm Mỹ	8.295	1.326	6.969
Huyện Long Thành	10.500	529	9.971
Huyện Xuân Lộc	13.449	1.614	11.835
Huyện Nhơn Trạch	10.736	405	10.331

**9 Số lao động của các cơ sở sản xuất, kinh doanh cá thể
phi nông, lâm nghiệp, thủy sản phân theo địa phương
tại thời điểm 01/7/2021**

Đơn vị tính: Người

	Tổng số	Chia ra	
		Công nghiệp, xây dựng	Thương mại, vận tải, dịch vụ
TỔNG SỐ	257.461	31.444	226.017
Thành phố Biên Hòa	77.897	5.734	72.163
Thành phố Long Khánh	17.843	2.058	15.785
Huyện Tân Phú	16.883	3.780	13.103
Huyện Vĩnh Cửu	10.434	1.052	9.382
Huyện Định Quán	16.515	2.647	13.868
Huyện Trảng Bom	30.367	3.710	26.657
Huyện Thống Nhất	12.385	1.882	10.503
Huyện Cẩm Mỹ	14.074	3.427	10.647
Huyện Long Thành	17.146	1.025	16.121
Huyện Xuân Lộc	27.539	5.310	22.229
Huyện Nhơn Trạch	16.378	819	15.559

10 Số đơn vị sự nghiệp, hiệp hội, tổ chức phi chính phủ tại thời điểm 31/12/2020 phân theo loại hình tổ chức và địa phương

Đơn vị tính: Đơn vị

112

	Tổng số	Đơn vị sự nghiệp	Chia ra						Hiệp hội; tổ chức phi chính phủ
			Lĩnh vực giáo dục, đào tạo	Lĩnh vực y tế	Lĩnh vực văn hóa, thể thao	Lĩnh vực thông tin, truyền thông	Lĩnh vực lưu trú	Lĩnh vực khác	
TỔNG SỐ	1.148	1.059	929	28	15	3	-	84	89
Thành phố Biên Hòa	329	308	249	14	6	2	-	37	21
Thành phố Long Khánh	75	68	56	3	1	-	-	8	7
Huyện Tân Phú	83	77	70	1	1	-	-	5	6
Huyện Vĩnh Cửu	62	56	49	1	1	-	-	5	6
Huyện Định Quán	88	82	76	2	1	-	-	3	6
Huyện Trảng Bom	112	103	95	1	1	-	-	6	9
Huyện Thống Nhất	77	68	63	1	1	-	-	3	9
Huyện Cẩm Mỹ	76	70	65	1	-	1	-	3	6
Huyện Long Thành	85	78	71	2	1	-	-	4	7
Huyện Xuân Lộc	92	86	79	1	1	-	-	5	6
Huyện Nhơn Trạch	69	63	56	1	1	-	-	5	6

11 Số lao động của các đơn vị sự nghiệp, hiệp hội, tổ chức phi chính phủ tại thời điểm 31/12/2020 phân theo loại hình tổ chức và địa phương

Đơn vị tính: Người

113

	Tổng số	Đơn vị sự nghiệp	Chia ra						Hiệp hội; tổ chức phi chính phủ
			Lĩnh vực giáo dục, đào tạo	Lĩnh vực y tế	Lĩnh vực văn hóa, thể thao	Lĩnh vực thông tin, truyền thông	Lĩnh vực lưu trú	Lĩnh vực khác	
TỔNG SỐ	64.068	63.682	48.463	10.805	633	106	-	3.675	386
Thành phố Biên Hòa	26.441	26.291	17.910	6.084	288	82	-	1.927	150
Thành phố Long Khánh	3.682	3.661	2.355	1.141	40	-	-	125	21
Huyện Tân Phú	3.697	3.676	2.997	366	35	-	-	278	21
Huyện Vĩnh Cửu	2.847	2.826	2.052	384	30	-	-	360	21
Huyện Định Quán	4.125	4.099	3.391	603	39	-	-	66	26
Huyện Trảng Bom	4.910	4.881	4.206	405	43	-	-	227	29
Huyện Thống Nhất	2.855	2.825	2.451	291	31	-	-	52	30
Huyện Cẩm Mỹ	2.863	2.841	2.549	228	-	24	-	40	22
Huyện Long Thành	5.008	4.983	4.240	558	48	-	-	137	25
Huyện Xuân Lộc	4.529	4.507	3.736	457	38	-	-	276	22
Huyện Nhơn Trạch	3.111	3.092	2.576	288	41	-	-	187	19

12 Số cơ sở và lao động của các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng phân theo loại cơ sở và theo địa phương tại thời điểm 01/7/2021

Đơn vị tính: Cơ sở

114

	Số lượng (Cơ sở)	Chia ra		Lao động (Người)	Chia ra	
		Cơ sở tôn giáo	Cơ sở tín ngưỡng		Cơ sở tôn giáo	Cơ sở tín ngưỡng
TỔNG SỐ	1.283	1.100	183	7.111	6.518	593
Thành phố Biên Hòa	303	245	58	1.926	1.659	267
Thành phố Long Khánh	95	78	17	407	358	49
Huyện Tân Phú	66	57	9	293	272	21
Huyện Vĩnh Cửu	43	43	-	152	152	-
Huyện Định Quán	111	101	10	432	380	52
Huyện Trảng Bom	101	94	7	673	626	47
Huyện Thống Nhất	85	77	8	474	460	14
Huyện Cẩm Mỹ	98	79	19	257	211	46
Huyện Long Thành	189	158	31	1.510	1.442	68
Huyện Xuân Lộc	116	115	1	551	545	6
Huyện Nhơn Trạch	76	53	23	436	413	23

13 Số cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng phân theo loại xếp hạng, loại cơ sở và địa phương tại thời điểm 01/7/2021

Đơn vị tính: Cơ sở

	Tổng số	Chưa được xếp hạng	Đã được xếp hạng	Chia ra	
				Cấp quốc gia	Cấp tỉnh, thành phố
TỔNG SỐ	1.283	1.251	32	12	20
Phân theo loại cơ sở					
- Cơ sở tôn giáo	1.100	1.090	10	5	5
- Cơ sở tín ngưỡng	183	161	22	7	15
Phân theo địa phương					
Thành phố Biên Hòa	303	284	19	9	10
Thành phố Long Khánh	95	94	1	-	1
Huyện Tân Phú	66	65	1	-	1
Huyện Vĩnh Cửu	43	43	-	-	-
Huyện Định Quán	111	111	-	-	-
Huyện Trảng Bom	101	101	-	-	-
Huyện Thống Nhất	85	84	1	-	1
Huyện Cẩm Mỹ	98	95	3	-	3
Huyện Long Thành	189	185	4	1	3
Huyện Xuân Lộc	116	115	1	1	-
Huyện Nhơn Trạch	76	74	2	1	1

TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2021 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI KẾT QUẢ SƠ BỘ

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Q. Giám đốc

NGUYỄN VIỆT QUÂN

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập

NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG

Biên tập và sửa bản in: VƯƠNG NGỌC LAM

Trình bày sách: THANH HẰNG

Thiết kế bìa, minh họa: HỒNG THÁI

Sách được xuất bản tại:

NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ

Địa chỉ: 98 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Điện thoại: (024) 38 474 185

Website: nhaxuatbanthongke.vn

Email: xuatbanthongke.kd@gmail.com

- In ... cuốn, khổ 16x24 cm, tại Nhà xuất bản Thống kê - Công ty TNHH Phát triển Minh Đạt,
Địa chỉ: Số 4, ngách 41/9, ngõ 41 Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

- Số xác nhận ĐKXB: 4730-2021/CXBIPH/04-30/TK do Cục Xuất bản, In và Phát hành cấp ngày 21/12/2021.

- QĐXB số 230/QĐ-NXBTK ngày 22/12/2021 của Q. Giám đốc NXB Thống kê.

- In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2022.

- ISBN: 978-604-75-2092-3